

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN



Hiệu quả - Bền vững

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm 2010

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2011

NỘI DUNG

I. Lịch sử hoạt động của Công ty.....	3
1. Những sự kiện quan trọng:	3
2. Quá trình phát triển.....	7
II. Báo cáo của Hội đồng quản trị.....	12
1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm	12
2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch.....	12
3. Những thay đổi chủ yếu trong năm	13
4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai.....	13
III. Báo cáo của Ban Giám đốc.....	14
1. Báo cáo tình hình tài chính	14
2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	15
3. Những tiến bộ công ty đã đạt được.....	18
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai	19
IV. Báo cáo tài chính	21
V. Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán	65
1. Kiểm toán độc lập.....	65
2. Kiểm toán nội bộ	65
VI. Các công ty có liên quan	66
VII. Tổ chức và nhân sự	70
VIII. Thông tin cổ đông và Quản trị công ty	91
1. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:	91
2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông.....	94

I. Lịch sử hoạt động của Công ty

1. Những sự kiện quan trọng:

+ Việc thành lập

Công ty Cổ phần Tài Nguyên được hình thành dựa trên nền tảng các công ty sau:

- Công ty TNHH Dương Quân
- Công ty TNHH Tư vấn và Đầu tư Tài Nguyên
- Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Tài Nguyên:
 - Ngày 24/02/2006, Công ty TNHH Dương Quân được thành lập với vốn điều lệ ban đầu là 3,6 tỷ đồng (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102024446 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 24/02/2006) với lĩnh vực hoạt động chính là bất động sản, khoáng sản và các dịch vụ tư vấn liên quan.
 - Ngày 25/8/2006, Công ty TNHH Dương Quân được đổi tên thành Công ty TNHH Tư vấn và Đầu tư Tài Nguyên, vẫn giữ nguyên vốn điều lệ là 3,6 tỷ đồng (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102024446 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 25/8/2006). Công ty cung cấp các dịch vụ tư vấn môi giới bất động sản và tư vấn khoáng sản.
 - Ngày 02/7/2007, Công ty TNHH Tư vấn và Đầu tư Tài Nguyên được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Tài Nguyên, đồng thời tăng vốn điều lệ của công ty lên 15 tỷ đồng (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103018230 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 02/7/2007), và bổ sung thêm lĩnh vực một số lĩnh vực kinh doanh và thay đổi trụ sở về số 2 ngõ 45 đường Nguyễn Hồng, Đống Đa, Hà Nội.
 - Ngày 18/6/2008, Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Tài Nguyên được đổi tên thành Công ty Cổ phần Tài Nguyên, đồng thời tăng vốn điều lệ của công ty lên thành 30 tỷ đồng (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103018230 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 18/6/2008). Nguồn vốn điều lệ tăng thêm nhằm đầu tư dự án mỏ chì – kẽm Điện Biên và góp vốn vào Công ty CP Đầu tư Tài Nguyên Đất Việt để khai thác mỏ titan Bình Định.
 - Giữa năm 2009, mỏ chì – kẽm tại Mùn Chung, Xá Nhè, Điện Biên đã hoàn tất giai đoạn đầu tư, và bắt đầu đi vào sản xuất thử. Cuối năm 2009, mỏ đã mang lại doanh thu cho Công ty.

-
- Năm 2009 cũng là năm bản lề để Công ty triển khai thêm mảng kinh doanh bất động sản với sự ra đời của Công ty Cổ phần sản bất động sản Tài Nguyên và góp vốn liên doanh xây dựng khu chung cư và văn phòng làm việc cho thuê tại Nhân Chính – Hà Nội. Cuối năm 2009, khu chung cư và văn phòng làm việc cho thuê tại Nhân Chính – Hà Nội đã được khởi công xây dựng và dự kiến năm 2010 sẽ đem lại doanh thu và lợi nhuận cho Công ty.
 - Định hướng của Công ty trong thời gian tới là phát triển song song hai lĩnh vực là khoáng sản và bất động sản. Sau khi chuyển đổi thành Công ty cổ phần, Công ty đã thực hiện 3 lần phát hành riêng lẻ để tăng vốn điều lệ. Vốn thực góp sau khi tăng vốn là 85 tỷ đồng. Công ty trở thành Công ty đại chúng từ 02/12/2009 và đã đăng ký Công ty đại chúng với UBCKNN và được chấp thuận đủ điều kiện là Công ty đại chúng.

- Quá trình tăng vốn của Công ty như sau:

Bảng 1: Quá trình tăng vốn Điều lệ của Công ty

Đơn vị: 1.000 đồng

Thời gian	Vốn điều lệ đăng ký	Vốn thực góp	Giá trị tăng vốn thực góp	Phương thức tăng vốn
Khi thành lập (02/07/2007)	15.000.000	15.000.000		Góp vốn ban đầu
Lần 1: 18/06/2008	30.000.000	30.000.000	15.000.000	Phát hành cho cổ đồng hiện hữu theo quy định của Luật doanh nghiệp (*)
Lần 2: 04/12/2008	40.000.000	40.000.000	10.000.000	Phát hành riêng lẻ theo quy định của Luật doanh nghiệp (**)
Lần 3: 10/06/2009	85.000.000	85.000.000	40.000.000	Phát hành riêng lẻ theo quy định của Luật doanh nghiệp (***)

Nguồn: Công ty Cổ phần Tài Nguyên

(*) Đại hội đồng cổ đông Công ty đã quyết định điều chỉnh tăng vốn điều lệ từ 15 tỷ đồng lên 30 tỷ đồng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 08/QĐHĐCĐ-CPTN ngày 17/06/2008 thông qua việc phát hành cho 3 cổ đông hiện hữu.

Sau khi tăng vốn, vốn điều lệ thực góp là 30 tỷ đồng

(**) Đại hội đồng cổ đông Công ty đã quyết định điều chỉnh tăng vốn điều lệ từ 30 tỷ đồng lên 40 tỷ đồng thông qua việc chào bán riêng lẻ cho dưới 100 nhà đầu tư bên ngoài theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tài Nguyên số 12/QĐ-CPTN ngày 22/11/2008.

HĐQT Công ty quyết định phát hành cho 14 đối tượng theo Nghị quyết HĐQT số 22 ngày 22/11/2008. Sau khi cổ đông nộp tiền, còn lại 500.000 cổ phiếu không mua hết HĐQT Công

ty phân phối tiếp cho 16 đối tượng khác, tổng cộng số lượng cổ đông đã nộp tiền của đợt tăng vốn từ 30 tỷ lên 40 tỷ là 30 người (trong đó có 1 cổ đông hiện hữu của Công ty). Vốn điều lệ thực góp là 40 tỷ đồng

(***) Đại hội đồng cổ đông Công ty đã quyết định điều chỉnh tăng vốn điều lệ từ 40 tỷ đồng lên 85 tỷ đồng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2009 số 26 ngày 10/06/2009 như sau:

- Phát hành riêng lẻ cho dưới 100 nhà đầu tư: 2.500.000 CP.
- Phát hành cho cổ đông hiện hữu bao gồm cả cổ đông đăng ký mua nốt 500.000 cổ phiếu không mua hết được phân phối lại của đợt tăng vốn từ 30 tỷ lên 40 tỷ: 2.000.000 CP.

Tổng cộng số lượng đối tượng thực tế nộp trong đợt này là 79 cổ đông. Số cổ phiếu thực tế phát hành là: 4.500.000 cổ phiếu. Số tiền thu được từ đợt phát hành là: 47.105.000.000 đồng. Vốn điều lệ thực góp là 85 tỷ đồng.

+ Niêm yết

Ngày 21 tháng 5 năm 2010 Công ty đã được sở GD&ĐT thành phố HCM chấp thuận chính thức niêm yết 8,5 triệu cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với giá chào sàn là 24.000 đồng/cổ phiếu.

+ Các sự kiện khác

◆ Tháng 07 năm 2010 Công ty đã được UBND tỉnh Hòa Bình chấp thuận cho đầu tư khu đô thị Tài Nguyên EcoCity quy mô 98ha tại huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình. Hiện tại TNT đang tiến hành lập quy hoạch chi tiết 1/500.

◆ Tháng 10 năm 2010 Công ty đã ký Hợp Đồng Hợp Tác Đầu Tư khu nhà ở đô thị Kiều Kỳ quy mô 17ha tại huyện Gia Lâm, Hà Nội trong đó Tài Nguyên chiếm 70% và cũng đã được UBND thành phố Hà Nội chấp thuận chủ trương. Hiện tại Công ty và các đối tác đang tiến hành các thủ tục để được duyệt quy hoạch 1/500.

◆ Tháng 10 năm 2010 TNT đã tiến hành ĐHCĐ bất thường thành công, hiện tại TNT đang hoàn thiện hồ sơ để sớm được tăng vốn điều lệ lên 200 tỷ đồng.

◆ Mở rộng quan hệ với các đối tác, các nhà đầu tư trong và ngoài nước đặc biệt là các nhà đầu tư Nhật Bản.

◆ Công ty và lãnh đạo chủ chốt đã nhận được những giải thưởng cao quý của Nhà nước trao tặng...

2. Quá trình phát triển

+ Ngành nghề kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Tư vấn đầu tư (không bao gồm dịch vụ tư vấn pháp luật và tư vấn tài chính);
- Môi giới, xúc tiến thương mại;
- San lấp mặt bằng các công trình xây dựng;
- Thi công xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp;
- Vận tải hàng hoá, vận chuyển hành khách;
- Lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế và các dịch vụ du lịch khác (không bao gồm kinh doanh phòng hát Karaoke, quán Bar, vũ trường);
- Môi giới bất động sản, dịch vụ nhà đất;
- Kinh doanh bất động sản;
- Khai thác, chế biến và kinh doanh khoáng sản (trừ khoáng sản Nhà nước cấm);
- Kinh doanh các dịch vụ về môi trường;
- Kinh doanh dịch vụ ăn uống, giải khát (không bao gồm kinh doanh phòng hát Karaoke, quán Bar, vũ trường);
- Tư vấn lập quy hoạch kế hoạch sử dụng đất (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Tư vấn, giới thiệu việc làm trong nước (trừ các hoạt động môi giới, xuất khẩu lao động và tuyển dụng cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động);
- Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về môi giới bất động sản, định giá bất động sản và quản lý điều hành sàn giao dịch bất động sản; Đào tạo tin học văn phòng; Đào tạo ngoại ngữ: Tiếng Anh, tiếng Trung Quốc, tiếng Nhật; tiếng Hàn Quốc (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Kinh doanh siêu thị, trung tâm thương mại; và
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản (dịch vụ sàn giao dịch bất động sản, dịch vụ tư vấn bất động sản, dịch vụ đấu giá bất động sản, dịch vụ quảng cáo bất động sản, dịch vụ quản lý bất động sản).

+ Tình hình hoạt động

Các lĩnh vực hoạt động, sản xuất kinh doanh chính của Công ty là đầu tư kinh doanh bất động sản, khoáng sản, sản xuất và cung ứng vật liệu xây dựng... Các dự án và hoạt động kinh doanh tiêu biểu sau:

- **Lĩnh vực khoáng sản**

Lĩnh vực khoáng sản bao gồm 2 hoạt động chính: Khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản và tư vấn trong lĩnh vực khoáng sản.

Đối với hoạt động khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản, Công ty đang thực hiện dự án khai thác quặng chì – kẽm hàm lượng thấp ở mỏ chì – kẽm của khu vực bản Xá Nhè, xã Mùn Chung, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên để chế biến tinh quặng đạt tiêu chuẩn chất lượng nhằm cung cấp nguyên liệu cho các nhà máy trong nước và xuất khẩu. Nhà máy tại Xá Nhè, xã Mùn Chung, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên được Công ty giao cho Công ty TNHH Tài nguyên và Khoáng sản Hà Nội - Điện Biên quản lý. Công suất của của nhà máy hiện nay là 150 tấn quặng nguyên khai/ngày. Nhà máy chính thức đi vào hoạt động từ Quý IV năm 2009 và đã mang lại lợi nhuận cho Công ty. Do đặc điểm thân quặng tại mỏ khai thác, Công ty áp dụng kỹ thuật khai thác quặng nguyên khai lộ thiên. Sản phẩm tinh quặng chì kẽm của Công ty đạt hàm lượng chì, kẽm trên 50% và đạt tiêu chuẩn xuất khẩu theo quy định của Thông tư số 08/2008/TT-BCT ngày 18 tháng 6 năm 2008 của Bộ Công Thương về việc hướng dẫn xuất khẩu khoáng sản. Trong năm 2009, ngoài việc tiêu thụ nội địa, sản phẩm của Công ty đều xuất khẩu sang Trung Quốc. Trong thời gian tới, Công ty định hướng tăng dần tỷ trọng tiêu thụ nội địa để đa dạng hóa đối tượng khách hàng, tiết kiệm chi phí vận chuyển, rút ngắn thời gian thanh toán của đối tác và qua đó tăng khả năng quay vòng vốn.

Hình ảnh sản phẩm chính của Công ty như sau:



Quặng Nguyên khai Chì



Quặng Nguyên khai kẽm



Quá trình thăm dò



Quá trình khai thác



Quá trình chế biến



Sản phẩm tinh quặng chì xuất khẩu

Nguồn: Công ty Cổ phần Tài Nguyên

Đối với hoạt động tư vấn trong lĩnh vực khoáng sản, tuy thời gian hoạt động chưa lâu nhưng cán bộ lãnh đạo và nhân viên Công ty đã có kinh nghiệm tư vấn trình tự thủ tục xin cấp phép khai thác khoáng sản. Công ty đã ký kết Hợp đồng tư vấn trình tự thủ tục xin cấp phép khai thác khoáng sản trong năm 2009. Hoạt động tư vấn trong lĩnh vực khoáng sản một mặt tạo thêm lợi nhuận, mặt khác giúp đội ngũ cán bộ nhân viên tích lũy thêm kinh nghiệm trong lĩnh vực xin cấp phép khai thác khoáng sản để hỗ trợ cho hoạt động khai thác, chế biến và kinh doanh khoáng sản của Công ty.

- ***Bất động sản***

Lĩnh vực kinh doanh bất động sản của Công ty mới được triển khai trong năm 2009 với hai hoạt động chính là tư vấn, môi giới bất động sản và kinh doanh bất động sản.

Hoạt động tư vấn, môi giới bất động sản do chính Công ty Cổ phần Tài Nguyên và Công ty con là Công ty Cổ phần sàn bất động sản Tài Nguyên thực hiện. Việc thành lập Công ty Cổ phần sàn bất động sản Tài Nguyên nhằm tạo thêm kênh phân phối tiêu thụ sản phẩm cho chính Công ty mà sắp tới đây là sản phẩm của dự án xây dựng khu chung cư và văn phòng làm việc cho thuê tại khu chung cư Nhân Chính. Ngoài ra, Công ty Cổ phần sàn bất động sản Tài Nguyên cũng được Công ty mẹ hỗ trợ về tài chính để chủ động tìm kiếm thêm nguồn hàng trên thị trường bất động sản cung cấp cho sàn giao dịch.

Một số dự án bất động sản chủ yếu:

- ✓ *Một là, Dự án khu nhà ở và văn phòng làm việc cao cấp Nhân Chính:* Diện tích dự án gần 10.000m². Tổng vốn đầu tư trên 1.000 tỷ đồng. Cty CP Tài Nguyên tham gia là 25%, dự án hiện tại đang thi công phần móng.
 - ✓ *Hai là, Dự án khu nhà ở đô thị tại huyện Gia Lâm, Hà Nội:* Diện tích gần 20ha. Tổng vốn đầu tư khoảng 1.500 tỷ đồng. Dự kiến hoàn thiện công tác chuẩn bị đầu tư và triển khai thi công vào Quý IV năm 2011.
 - ✓ *Ba là, Dự án khu đô thị Tài Nguyên EcoCity:* Diện tích 98ha tại huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình. Tổng vốn đầu tư khoảng 4.500 tỷ đồng. Hiện đang tiến hành lập quy hoạch chi tiết 1/500.
- ***Vật liệu xây dựng***
 - ✓ *Nhà máy gạch tại huyện Lương Sơn, tỉnh Hoà Bình:* Đã được cấp giấy phép đầu tư. Hiện tại Công ty đang tiến hành tổ chức công tác giải phóng mặt bằng.
 - ✓ *Kinh doanh vật liệu xây dựng:* Công ty định hướng mở rộng hoạt động thương mại trong lĩnh vực vật liệu xây dựng. Các đối tác của công ty là các công ty kinh doanh trong lĩnh vực bất động sản, do đó Công ty có nhiều lợi thế về quan hệ kinh doanh. Bên cạnh đó, Công ty sẽ trực tiếp cung cấp vật liệu xây dựng cho các dự án do Công ty làm chủ đầu tư nhằm tiết kiệm và hạ giá thành sản phẩm, tạo lợi thế cạnh tranh trên thị trường.

3. Định hướng phát triển

+ Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Kinh doanh có lãi, bảo toàn và phát triển vốn của các cổ đông đã đầu tư vào Công ty, hoàn thành các nhiệm vụ đã được Đại hội cổ đông thông qua.
- Tối đa hoá hiệu quả đầu tư chung của Công ty.

- Hướng tới một doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam trong hoạt động đầu tư kinh doanh bất động sản và khai khoáng

+ Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Chuyên nghiệp và năng động, Công ty cổ phần Tài Nguyên từng bước phát triển, đã và đang khẳng định trở thành đối tác tin cậy của các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

- Liên danh liên kết với một số tổ chức, doanh nghiệp để triển khai các dự án lớn, nâng cao vị thế của công ty.

- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện chế độ trách nhiệm, ban hành cơ chế điều hành, cơ chế phân phối lợi ích và hoạt động của công ty để nâng cao trách nhiệm, khuyến khích người lao động và cổ đông đóng góp phần xây dựng công ty ngày càng phát triển bền vững.

- Thường xuyên quan tâm đào tạo nâng cao trình độ quản lý, chuyên môn và tay nghề cho đội ngũ cán bộ công nhân viên, cùng với việc đầu tư thiết bị công nghệ tiên tiến phục vụ sản xuất kinh doanh để nâng cao hiệu quả sản xuất, đáp ứng được tốc độ phát triển của đất nước và hội nhập kinh tế quốc tế.

- Với chiến lược phát triển nhanh, đúng đắn, công ty đang vươn tới mục tiêu trở thành công ty niêm yết có vốn hóa lớn trên sàn GDCK HCM.

- Đẩy mạnh hoạt động kinh doanh BĐS: Với định hướng đây là một trong các lĩnh vực kinh doanh chính của công ty. Lĩnh vực này được Công ty bắt đầu quan tâm và phát triển. Đặc biệt là từ năm 2009 trở lại đây Công ty đã bắt đầu đầu tư thực hiện dự án Khu chung cư cao cấp tại Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội. Trong chiến lược phát triển của mình đến năm 2012 và các năm tiếp theo, Công ty luôn coi lĩnh vực kinh doanh bất động sản là một trong các lĩnh vực hoạt động chủ yếu. Ngoài mang lại lợi nhuận, lĩnh vực này còn hỗ trợ cho lĩnh vực xây lắp, sản xuất công nghiệp Vật liệu xây dựng và các lĩnh vực khác cùng phát triển. Phấn đấu đến năm 2012, Công ty sẽ trở thành một doanh nghiệp mạnh trong lĩnh vực đầu tư bất động sản tại Việt Nam. Để đạt được mục tiêu này, Công ty sẽ không ngừng củng cố và hình thành các đơn vị chuyên kinh doanh bất động sản và đa dạng hóa các loại hình đầu tư và kinh doanh bất động sản.

II. Báo cáo của Hội đồng quản trị

1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm

Năm 2010 là một năm hết sức khó khăn với nền kinh tế và các doanh nghiệp Việt Nam. Nền kinh tế có nhiều bất ổn: Lạm phát cao, vượt chỉ tiêu Quốc hội đề ra; Lãi suất tăng cao, khả năng tiếp cận với các khoản vay thấp, ảnh hưởng nghiêm trọng đến khả năng tiếp cận các nguồn vốn vay của công ty và làm tăng chi phí tài chính một cách phi lý; Thị trường ngoại hối căng thẳng, tỷ giá liên tục tăng cao, việc huy động ngoại tệ cho các hoạt động kinh doanh trở nên khó khăn, việc hình thành hai tỷ giá làm tăng chi phí của công ty; Thị trường chứng khoán giảm điểm mạnh, cộng với việc UBCK hạn chế việc tăng vốn của công ty làm cho TNT không thể thực hiện tăng vốn theo như kế hoạch.

Việc Nhà nước ban hành, sửa đổi một số luật nhằm quản lý nền kinh tế thuộc lĩnh vực sản xuất kinh doanh của công ty như: Luật khoáng sản, Nghị định 71, Nghị định 69 và thông tư 16 về quản lý các dự án BĐS làm lỡ các kế hoạch kinh doanh của TNT. Dự án chi kèm Điện Biên phải tạm ngừng khai thác, Dự án BĐS Nhân Chính phải tạm ngừng thi công làm cho kế hoạch sản xuất kinh doanh của TNT không hoàn thành.

Vì những khó khăn trên, TNT đã không đạt được kế hoạch sản xuất kinh doanh như Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 và Nghị quyết đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2010 đề ra.

Trước tình hình đó, ban lãnh đạo và đội ngũ cán bộ toàn Công ty đã quyết tâm, nỗ lực không ngừng trong việc tìm kiếm cơ hội đầu tư, mở rộng thị trường, tìm kiếm khách hàng và đối tác. Trong năm 2010 mặc dù phải đối mặt với những khó khăn chung của nền kinh tế, nhưng với định hướng phát triển đúng đắn, Công ty vẫn duy trì tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận, đảm bảo việc làm và tăng thu nhập cho người lao động trong Công ty, đồng thời thực hiện tốt nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước.

Tuy nhiên, Hội đồng quản trị đã xác định mục tiêu phải trang bị đủ nguồn lực về tài chính, nhân lực, cũng như trình độ công nghệ để có thể vượt qua những thử thách, góp phần nâng cao vị thế của Công ty cả trong và ngoài nước.

2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Nhìn chung năm 2010 tuy công ty chưa đạt được 100% các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận đề ra, nhưng công ty đã đi đúng hướng, việc có thêm nhiều dự án bất động sản lớn sẽ hứa hẹn mang lại nhiều lợi ích cho công ty trong tương lai.

3. Những thay đổi chủ yếu trong năm

◆ Tháng 07 năm 2010 Công ty đã được UBND tỉnh Hòa Bình chấp thuận cho đầu tư khu đô thị Tài Nguyên EcoCity quy mô 98ha tại huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình. Hiện tại TNT đang tiến hành lập quy hoạch chi tiết 1/500.

◆ Tháng 10 năm 2010 Công ty đã ký Hợp Đồng Hợp Tác Đầu Tư khu nhà ở đô thị Kiều Kỳ quy mô 17ha tại huyện Gia Lâm, Hà Nội trong đó Tài Nguyên chiếm 70% và cũng đã được UBND thành phố Hà Nội chấp thuận chủ trương. Hiện tại Công ty và các đối tác đang tiến hành các thủ tục để được duyệt quy hoạch 1/500.

◆ Tháng 10 năm 2010 TNT đã tiến hành ĐHCĐ bất thường thành công, hiện đang hoàn thiện hồ sơ để sớm được tăng vốn điều lệ lên 200 tỷ đồng.

4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai

Với việc xác định lĩnh vực kinh doanh cốt lõi là lĩnh vực bất động sản và khoáng sản, trên cơ sở những dự án đang triển khai thực hiện và những dự án đang hoàn thiện về thủ tục sớm để được cấp phép, chúng tôi hoàn toàn tin tưởng vào sự phát triển của Công ty trong năm 2011 và những năm tiếp theo. Bên cạnh những dự án đã và đang triển khai trên, Ban lãnh đạo Công ty đã xây dựng Kế hoạch dài hạn, mang tính chiến lược cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty mà đầu tiên là Kế hoạch 5 năm 2011 - 2015, trong đó năm 2011 sẽ là năm bản lề cho việc thực hiện Kế hoạch này. Không lâu nữa quý vị sẽ được chứng kiến một Công ty cổ phần Tài Nguyên lớn mạnh và có uy tín, thương hiệu lớn trên thị trường, tạo ra lợi nhuận lớn nhất cho Công ty, góp phần tích cực cho nền kinh tế và sự phát triển của xã hội.

III. Báo cáo của Ban Giám đốc

1. Báo cáo tình hình tài chính

- Khả năng sinh lời, khả năng thanh toán:

+ EPS: 1.701 đồng/ cổ phần

+ ROA: 13,45%

+ ROE: 16,16%

+ Hệ số thanh toán tức thời: 0,66 lần

+ Hệ số thanh toán nhanh: 3,91 lần

+ Tỷ lệ nợ/Vốn chủ: 0,16%

- Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12 của năm báo cáo: 103.982.268.456 đồng, tương đương với: 12.233,2 đồng/cổ phiếu.

- Những thay đổi về vốn cổ đông:

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	14.461.186.278	2.253.283.058
Số cổ phần phổ thông lưu hành đầu kỳ	8.500.000	-
Số cổ phần phổ thông lưu hành cuối kỳ	8.500.000	-
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	8.500.000	4.476.273
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.701	503

- Tổng số cổ phiếu theo từng loại (cổ phiếu thường, cổ phiếu ưu đãi...):

STT	Loại cổ phiếu	Số lượng cp	Tỷ lệ (%)
1	Cổ phiếu thường	8.500.000	100%
2	Cổ phiếu ưu đãi	0	0%
	TỔNG	8.500.000	100%

- Tổng số trái phiếu đang lưu hành theo từng loại: không có.

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại:

STT	Loại cổ phiếu	Số lượng cp	Tỷ lệ (%)
1	Cổ phiếu thường	8.500.000	100%
2	Cổ phiếu ưu đãi	0	0%
	TỔNG	8.500.000	100%

- Số lượng cổ phiếu dự trữ, cổ phiếu quỹ theo từng loại: không có.

- Cổ tức: Năm 2010 công ty không chia cổ tức bằng tiền mặt. Công ty dự định sẽ chia cổ tức bằng cổ phiếu trong đợt phát hành tăng vốn tiếp theo.

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Tổng Doanh thu đạt: 74,63 tỷ đồng, đạt 59,96% kế hoạch năm 2010;
- Lợi nhuận trước thuế đạt: 19,10 tỷ đồng, đạt 41,36% kế hoạch năm 2010;
- Lợi nhuận sau thuế đạt: 14,48 tỷ đồng, đạt 38,79% kế hoạch năm 2010;
- EPS đạt: 1.701 đồng/cổ phần

Kết quả hoạt động kinh doanh trong năm 2008 – 2010

Bảng: Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009		Năm 2010	
	Giá trị	Giá trị	% tăng, (giảm) so với 2008	Giá trị	% tăng, (giảm) so với 2009
Tổng giá trị tài sản	35.228	107.555	205,31%	120.805	12,32%
Vốn chủ sở hữu	35.103	89.521	155,02%	103.982	16,15%
Doanh thu thuần	4.904	6.746	37,56%	74.628	1006,26%
Giá vốn hàng bán	3.941	2.531	-	64.423	2445,36%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	283	3.467	1.125,09%	21.020	506,29%
Lợi nhuận khác	-	6	-	(238)	-
Lợi nhuận trước thuế	183	2.579	1.309,29%	19.906	671,85%
Lợi nhuận sau thuế	85	2.253	2.550,59%	14.461	541,86%
Tỷ lệ cổ tức trên lợi nhuận sau thuế (*)	-	-	-	20%	-

Nguồn: BCTC hợp nhất được kiểm toán năm 2008, 2009, 2010

(*): Năm 2008 và 2009, Công ty không thực hiện việc trả cổ tức cho cổ đông do hoạt động của Công ty đang trong giai đoạn đầu tư mở rộng hoạt động. Do đó, lợi nhuận được giữ lại bổ sung nguồn vốn.

Năm 2009, nhà máy khai thác chì kẽm tại Xá Nhè Mùn Chung Điện Biên chính thức đi vào hoạt động. Do đó, tổng tài sản của Công ty năm 2009 tăng gấp 3 lần so với năm 2008. Nhờ sản phẩm của nhà máy khai thác chì kẽm của Công ty đã được tiêu thụ vào cuối năm 2009, doanh thu của Công ty cũng tăng gấp 1,5 lần so với doanh thu năm 2008 trong khi lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tăng hơn 12 lần so với năm 2008. Lợi nhuận thuần tăng đột biến là do Công ty đầu tư vào dây chuyền mới vào sản xuất, gia tăng hàm lượng sản phẩm sản xuất so với mỏ cũ ở Lạng Sơn và tiết kiệm chi phí đầu vào. Bên cạnh đó, giá bán của tinh quặng chì và kẽm cũng tăng trong năm 2009. Cụ thể, giá bán chì cuối năm 2009 tăng lên 14 triệu/tấn so với mức 9 triệu/tấn cuối năm 2008, giá bán kẽm cuối năm 2009 tăng lên 10 triệu/tấn so với mức 14 triệu/tấn cuối năm 2008. (Nguồn: Hợp đồng bán hàng của Công ty Cổ phần Tài Nguyên).

Năm 2010, hoạt động kinh doanh của công ty ngoài mảng khai thác khoáng sản, công ty đã mở rộng và thu lợi lớn từ hoạt động dịch vụ tư vấn bất động sản và kinh doanh vật liệu xây dựng. Dịch vụ tư vấn bất động sản đạt giá trị 10,1 tỷ đồng. Doanh thu khác của Công ty đạt trên 62,6 tỷ đồng, trong đó: doanh thu từ việc chuyển nhượng 280.000 cổ phần của CTCP Phú Hà Hòa Bình và hoạt động tài chính khác đạt 14,34 tỷ đồng; doanh thu từ hoạt động kinh doanh vật liệu xây dựng đạt 48,281 tỷ đồng.

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của công ty cũng tăng cao hơn so với năm 2009, lợi nhuận trước thuế đạt 19,9 tỷ đồng (tăng trên 6,7 lần), lợi nhuận sau thuế đạt 14,46 tỷ đồng.

Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm báo cáo

Thuận lợi

Chính sách của Nhà nước về khoáng sản

Luật Khoáng sản được Quốc hội khoá IX thông qua năm 1996 và được sửa đổi bổ sung một số điều vào năm 2005 đã bộc lộ nhiều vướng mắc trong quá trình thực hiện. Do đó, Quốc hội dự kiến sẽ sửa đổi Luật Khoáng sản vào kỳ họp quốc hội tháng 11 năm 2010, trong đó, quy định chặt chẽ hơn việc quản lý nguồn tài nguyên khoáng sản của Nhà nước, bỏ quy chế xin cho các mỏ khoáng sản. Đây là rào cản đối với các đối thủ gia nhập ngành khoáng sản.

Kinh nghiệm và năng lực của Ban quản trị điều hành

TNT có một Ban quản trị điều hành là những người có năng lực, kinh nghiệm, và nhiệt huyết trong hai lĩnh vực khoáng sản và bất động sản; đồng thời có nhiều quan hệ và thông tin liên quan đến các địa điểm mỏ trữ lượng lớn và các dự án bất động sản. Đây là một trong những nhân tố then chốt giúp Công ty luôn khai thác được cơ hội, chủ động đối phó được với thách thức để không ngừng lớn mạnh.

Áp dụng các biện pháp nhằm tiết kiệm chi phí, tăng cường quản lý chất lượng sản phẩm

Đội ngũ chuyên gia của Công ty được đúc rút nhiều kinh nghiệm thông qua quá trình sản xuất thử, do đó, chi phí sản xuất càng năm về sau giảm so với những năm trước. Hơn nữa, Công ty đã đi vào giai đoạn hoạt động ổn định sau giai đoạn sản xuất thử năm 2009 nên sản lượng và chất lượng sản phẩm của Công ty những năm tới dự kiến sẽ đạt mức tăng trưởng ổn định.

Giá bán của sản phẩm chì kẽm đang trong xu thế tăng

Do nền kinh tế dần hồi phục sau cuộc khủng hoảng tài chính thế giới năm 2008, nhu cầu các kim loại cơ bản cho sản xuất công nghiệp đang tăng dần lên. Dự báo giá chì sẽ tăng trong năm nay do nhờ nhu cầu cao của từ phía các nhà sản xuất ô tô và pin, đặc biệt là Trung Quốc và Ấn Độ. Giá chì năm hồi tháng 6/2009 từ 1.700 USD/tấn đã tăng lên mức 2.300 USD/tấn vào giữa tháng 1/2010. Giá chì thế giới năm 2010 dao động ở mức 2.303 USD/tấn, tăng 33% so với năm 2009. Giá kẽm năm 2010 đạt trung bình 2.270 USD/tấn và cầu sẽ vượt cung khoảng 86.000 tấn.

Khó khăn

Sự thay đổi của chính sách thuế

Mức thuế xuất khẩu kim loại chì, kẽm trong năm 2008 được thay đổi từ 15% đến 20% theo Quyết định số 35/2008/QĐ-BTC ngày 06/06/2008 của Bộ Tài Chính. Do đó, giá bán chì kẽm của doanh nghiệp cũng tăng theo. Trong thời gian tới, nếu Chính phủ tiếp tục tăng thuế xuất khẩu chì kẽm, trong khi Công ty không thể tăng ngay giá bán cho các đối tác thì lợi nhuận của Công ty sẽ bị ảnh hưởng đáng kể.

Giá cả nguyên vật liệu tăng

Một trong những chi phí chiếm tỷ trọng lớn trong giá vốn hàng bán của Công ty là giá điện, chiếm tới gần 20% trong cơ cấu giá vốn của Công ty. Giá điện năm 2010 tăng 6,8% so với năm 2009. Đây cũng là một thách thức đối với Công ty. Công ty sẽ phải tính toán sắp xếp các ca sản xuất hợp lý để tận dụng nguồn điện. Một khó khăn khác nữa của Công ty là Công ty nằm ở vùng sâu vùng xa, khó khăn về địa lý, nên việc cung cấp điện sản xuất của Công ty cũng gặp một số khó khăn như bị cắt điện, nguồn cung không ổn định... Để hạn chế khó khăn này, Công ty đã chủ động dựng đường truyền tải điện riêng phục vụ cho hoạt động sản xuất.

Điều kiện tự nhiên

Thời tiết mưa nhiều, thời gian mưa trong năm chiếm tới 50% cũng ảnh hưởng không tốt đến việc khai thác tuyển mỏ và thực hiện các dự án của Công ty. Công ty thường chỉ tập trung khai thác và chế biến khoáng sản vào mùa khô, trong khoảng quý I và quý IV hàng năm. Sản lượng sản phẩm trong mùa mưa (quý II và quý III) hàng năm chỉ bằng một nửa so với các quý mùa khô.

3. Những tiến bộ công ty đã đạt được

Năm 2010 công ty đã tiến hành tinh giảm bộ máy quản lý theo hướng chuyên môn hóa cao. Tách biệt quản trị công ty với quản lý điều hành sản xuất kinh doanh. Tiến hành thanh lý, giải thể các hoạt động kinh doanh không hiệu quả...

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Dự án khu nhà ở và văn phòng làm việc cao cấp Nhân Chính. Quy mô dự án: diện tích dự án 9.134m² bao gồm 01 tòa nhà chung cư 24 tầng, 01 tòa nhà văn phòng 12 tầng và khu biệt thự nhà vườn. Tổng vốn đầu tư dự kiến khoảng 1.000 tỷ VNĐ. Tỷ lệ Cty CP Tài Nguyên: Tham gia 25% dự án. Hiện tại TNT gần hoàn thiện phần khoan cọc móng. Nhưng vì lý do khách quan, dự án đang bị tạm dừng. Tài Nguyên và các đối tác đang gấp rút để tiếp tục triển khai dự án.

Dự án khu nhà ở đô thị Kiều Ky. Tháng 10 năm 2010 Công ty đã ký Hợp Đồng Hợp Tác Đầu Tư khu nhà ở đô thị Kiều Ky quy mô 17ha tại huyện Gia Lâm, Hà Nội trong đó Tài Nguyên chiếm 70% và cũng đã được UBND thành phố Hà Nội chấp thuận chủ trương. Hiện tại Công ty và các đối tác đang tiến hành các thủ tục để được duyệt quy hoạch 1/500. Kế hoạch sẽ có đủ giấy phép và đi vào thi công vào Quý IV năm 2011.

Dự án khu đô thị Tài Nguyên EcoCity. Tháng 07 năm 2010 Công ty đã được UBND tỉnh Hòa Bình chấp thuận cho đầu tư khu đô thị Tài Nguyên EcoCity quy mô 98ha tại huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình. Hiện tại TNT đang tiến hành lập quy hoạch chi tiết 1/500. TNT sẽ đợi thời cơ tốt để triển khai thi công dự án.

Dự án Chì kẽm Điện Biên.

Quy mô dự án: diện tích khai thác 65ha, trữ lượng dự tính khoảng 1.558.000 tấn, công suất thiết kế nhà máy 99.000 tấn/năm, tăng trưởng 25% năm. Tổng vốn đầu tư khoảng 40 tỷ VNĐ. Vị trí : huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên. Dự án đã cho ra sản phẩm từ cuối năm 2009. Nhưng vì lý do khách quan, sự thay đổi của luật khoáng sản và quy hoạch khoáng sản Việt Nam dự án của TNT đang phải tạm dừng khai thác. Ban TGD vẫn bám sát tình hình và có kế hoạch làm việc lại để dự án được tiếp tục khai thác sớm.

Dự án nhà máy gạch Tuynel Hoà Bình. Quy mô dự án: diện tích khai thác 10 ha, tổng vốn đầu tư khoảng 42 tỷ VNĐ. Vị trí : huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình. Dự án hiện đã được cấp giấy phép đầu tư. Hiện tại TNT đang tiến hành công tác giải phóng mặt bằng dự án.

Doanh thu từ hoạt động tư vấn bất động sản và khoáng sản. Nhằm phát huy lợi thế về kinh nghiệm và quan hệ, cũng như bám sát diễn biến của thị trường khoáng sản và bất động sản Việt Nam. Ban lãnh đạo công ty vẫn duy trì một bộ phận kinh doanh trong mảng tư vấn này.

Các hoạt động thương mại khác. Công ty định hướng sẽ mở rộng hoạt động thương mại trong lĩnh vực vật liệu xây dựng. Vì các đối tác của công ty là các công ty kinh doanh trong lĩnh vực bất động sản, do đó công ty có nhiều lợi thế về quan hệ kinh doanh. Mặt khác, công ty đang đầu tư các dự án bất động sản, sẽ phải sử dụng rất nhiều vật liệu xây dựng, do đó công ty sẽ đứng ra trực tiếp cung cấp vật liệu xây dựng cho các dự án của mình sẽ tiết kiệm và hạ giá thành sản phẩm góp phần làm tăng lợi nhuận cho cổ đông công ty.

IV. Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU B 01-DN/HN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		59.580.390.578	49.970.769.232
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		10.104.178.972	11.476.386.570
1. Tiền	111	V.1	10.104.178.972	11.476.386.570
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.240.130.700	1.484.600.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	1.240.130.700	1.484.600.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		28.311.097.924	32.656.289.749
1. Phải thu khách hàng	131		12.600.000.000	6.114.043.492
2. Trả trước cho người bán	132		481.261.500	534.551.350
5. Các khoản phải thu khác	135	V.3	15.229.836.424	26.007.694.907
IV. Hàng tồn kho	140		5.299.843.101	182.336.667
1. Hàng tồn kho	141	V.4	5.299.843.101	182.336.667
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		14.625.139.881	4.171.156.246
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		215.579.889	133.806.542
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		409.559.992	1.531.009.704
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	2.506.340.000
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.5	14.000.000.000	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		61.224.395.465	57.583.853.074
II. Tài sản cố định	220		25.335.214.962	26.617.839.589
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	25.201.221.719	26.253.032.710
- Nguyên giá	222		26.913.725.986	26.829.330.184
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.712.504.267)	(576.297.474)
3. Tài sản cố định vô hình	227		26.250.000	-
- Nguyên giá	228		27.000.000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(750.000)	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		107.743.243	364.806.879
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		35.069.503.659	30.932.277.561
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.7	34.869.503.659	30.932.277.561
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.8	200.000.000	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		819.676.844	33.735.924
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		819.676.844	33.735.924
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		120.804.786.043	107.554.622.306

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU B 01-DN/HN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		16.665.933.882	18.033.540.128
I. Nợ ngắn hạn	310		15.219.438.882	17.301.045.128
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	6.545.004.000
2. Phải trả người bán	312		72.000.000	1.814.733.871
3. Người mua trả tiền trước	313		-	7.697.000.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.9	5.147.438.882	439.307.257
6. Chi phí phải trả	316		-	800.000.000
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		10.000.000.000	5.000.000
II. Nợ dài hạn	330		1.446.495.000	732.495.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.10	1.446.495.000	732.495.000
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		103.982.268.456	89.521.082.178
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.11	103.982.268.456	89.521.082.178
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		85.000.000.000	85.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.165.000.000	2.165.000.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		16.817.268.456	2.356.082.178
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		156.583.705	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		120.804.786.043	107.554.622.306

Nguyễn Gia Long

Chu Thị Thanh Vân

Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU B 02-DN/HN

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	74.627.815.890	6.993.178.962
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	-	246.906.731
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch	10	VI.1	74.627.815.890	6.746.272.231
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	64.423.496.309	2.531.442.061
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		10.204.319.581	4.214.830.170
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	14.339.816.359	1.243.447.472
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	197.016.797	38.130.339
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		197.016.797	38.130.339
8. Chi phí bán hàng	24		27.192.000	49.538.257
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3.299.898.825	1.903.355.812
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		21.020.028.318	3.467.253.234
11. Thu nhập khác	31		1.053.919.688	5.500
12. Chi phí khác	32		1.291.978.055	-
13. Lợi nhuận khác	40		(238.058.367)	5.500
14. Lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		(875.466.964)	(888.064.199)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		19.906.502.987	2.579.194.535
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.5	5.458.733.004	325.911.477
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		14.447.769.983	2.253.283.058
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		(13.416.295)	-
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	62		14.461.186.278	2.253.283.058
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.6	1.701	503

Nguyễn Gia Long

Chu Thị Thanh Vân

Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**(Theo phương pháp trực tiếp)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU B 03-DN/HN

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và DT khác	01		89.120.754.476	1.456.277.600
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(69.467.598.542)	(5.554.257.065)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(1.664.710.982)	(1.697.703.600)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(337.132.297)	(38.130.339)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(875.366.256)	(98.683.168)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		5.470.497.062	17.278.655.742
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07		(16.524.191.244)	(3.945.859.940)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		5.722.252.217	7.400.299.230
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(213.200.000)	(18.415.171.313)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	(34.400.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		11.000.000.000	11.673.500.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(23.450.075.000)	(18.420.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		3.750.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.424.819.185	1.241.625.521
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(7.488.455.815)	(58.320.045.792)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	52.165.000.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho CSH, mua lại CP của DN đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		5.714.000.000	10.065.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(5.320.004.000)	(2.787.501.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		393.996.000	59.442.499.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(1.372.207.598)	8.522.752.438
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		11.476.386.570	2.953.634.132
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	10.104.178.972	11.476.386.570

Nguyễn Gia Long

Chu Thị Thanh Vân

Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B09 - DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tài Nguyên là Công ty được chuyển đổi từ Công ty TNHH Tư Vấn và Đầu tư Tài Nguyên theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần lần đầu số 0103018230 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 02 tháng 07 năm 2007. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 5 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh,

Hiện nay, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần 5 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 02 tháng 10 năm 2009, theo đó số vốn điều lệ của Công ty là 85.000.000.000 đồng (tám mươi lăm tỷ đồng), tương ứng với 8.500.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/1cổ phần.

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103018230 đăng ký thay đổi lần thứ 5 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 02 tháng 10 năm 2009, lĩnh vực kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Tư vấn đầu tư (không bao gồm dịch vụ tư vấn pháp luật và tư vấn tài chính);
- Môi giới, xúc tiến thương mại;
- San lấp mặt bằng các công trình xây dựng;
- Thi công xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp;
- Vận tải hàng hoá, vận chuyển hành khách;
- Lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế và các dịch vụ du lịch khác (không bao gồm kinh doanh phòng hát Karaoke, quán Bar, vũ trường);
- Môi giới bất động sản, dịch vụ nhà đất;
- Kinh doanh bất động sản;
- Khai thác, chế biến và kinh doanh khoáng sản (trừ khoáng sản Nhà nước cấm);
- Kinh doanh các dịch vụ về môi trường;
- Kinh doanh dịch vụ ăn uống, giải khát (không bao gồm kinh doanh phòng hát Karaoke, quán Bar, vũ trường);
- Tư vấn lập quy hoạch kế hoạch sử dụng đất (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Tư vấn, giới thiệu việc làm trong nước (trừ các hoạt động môi giới, xuất khẩu lao động và tuyển dụng cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động);

-
- Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về môi giới bất động sản, định giá bất động sản và quản lý điều hành sàn giao dịch bất động sản; Đào tạo tin học văn phòng; Đào tạo ngoại ngữ: Tiếng Anh, tiếng Trung Quốc, tiếng Nhật; tiếng Hàn Quốc (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
 - Kinh doanh siêu thị, trung tâm thương mại; và
 - Kinh doanh dịch vụ bất động sản (dịch vụ sàn giao dịch bất động sản, dịch vụ tư vấn bất động sản, dịch vụ đấu giá bất động sản, dịch vụ quảng cáo bất động sản, dịch vụ quản lý bất động sản).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Đồng thời, Công ty cũng đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung trên máy vi tính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất này:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất các Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và Báo cáo tài chính hợp nhất của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con). Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính hợp nhất của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau. Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty có 3 công ty con. Chi tiết thông tin về các công ty con của Công ty được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất như sau:

1 - Tên Công ty : Công ty TNHH Tài nguyên và Khoáng sản Hà Nội - Điện Biên
Địa chỉ : Xã Mùn Chung, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên
Hoạt động chính : Khai thác khoáng sản
Giá trị đầu tư ghi nhận tại Công ty tại ngày 31/12/2010 : 31.915.517.036 đồng
Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 100%
Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 100%

2 - Tên Công ty : Công ty Cổ phần Sản bất động sản Tài Nguyên
Địa chỉ : Tầng 1, nhà N2A, đường Hoàng Minh Giám, Cầu Giấy, Hà Nội
Hoạt động chính : Kinh doanh dịch vụ bất động sản
Giá trị đầu tư ghi nhận tại Công ty tại ngày 31/12/2010 : 3.682.770.000 đồng
Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 70%
Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 70%

Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2010, toàn bộ vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Sản bất động sản Tài Nguyên là do Công ty Cổ phần Tài Nguyên góp. Các cổ đông khác chưa thực hiện góp vốn điều lệ.

3 - Tên Công ty : Công ty Cổ phần bất động sản Tài Nguyên Hà Nội
Địa chỉ : Tầng 1, nhà N2A, đường Hoàng Minh Giám, Cầu Giấy, Hà Nội
Hoạt động chính : Xây dựng nhà các loại, bán buôn xi măng sắt thép...
Giá trị đầu tư ghi nhận tại Công ty tại ngày 31/12/2010 : 1.877.000.000 đồng
Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 68%
Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 68%

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một nhóm thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Bất kỳ lợi thế thương mại nào có được từ việc mua lại phần góp vốn của Công ty tại đơn vị góp vốn liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty liên quan đến lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết. Lợi thế thương mại từ việc mua các công ty con và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày riêng như một loại tài sản vô hình trên bảng cân đối kế toán.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07/12/2009. Theo đó, Công ty được phép lập dự phòng khoản phải thu khó đòi cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá hàng xuất kho được xác định theo phương pháp giá bình quân gia quyền.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	18
Máy móc và thiết bị	5 - 7
Phương tiện vận tải	6 - 7
Thiết bị dụng cụ quản lý	3

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ. Các chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

Ghi nhận doanh thu và chi phí

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải

nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

5.1 Tiền

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tiền mặt	8.609.364.139	4.744.846.386
Tiền gửi ngân hàng	1.494.814.833	6.731.540.184
Cộng	10.104.178.972	11.476.386.570

5.2 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	1.240.130.700	1.484.600.000
Cộng	1.240.130.700	1.484.600.000

5.3 Các khoản phải thu khác

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Cho vay	15.000.000.000	26.000.000.000
Phải thu khác	229.836.424	7.694.907
Cộng	15.229.836.424	26.007.694.907

5.4 Hàng tồn kho

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	59.865.839	-
Chi phí SXKD dở dang	2.347.658.662	182.336.667
Hàng hóa	2.892.318.600	-
Cộng	5.299.843.101	182.336.667

5.5 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tạm ứng cho cán bộ công nhân viên	14.000.000.000	2.506.340.000
Ký cược ký quỹ ngắn hạn	-	-
Cộng	<u>14.000.000.000</u>	<u>2.506.340.000</u>

5.6 Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2010	15.317.311.642	8.322.981.398	3.085.436.666	103.600.478	26.829.330.184
Mua trong năm	-	-	1.085.949.156	96.654.545	1.182.603.701
Thanh lý, nhượng bán	-	(895.289.503)	-	(6.520.001)	(901.809.504)
Giảm khác	(162.121.966)	-	-	-	(162.121.966)
Tại ngày 31/12/2010	15.155.189.676	7.427.691.895	4.137.109.393	193.735.022	26.913.725.986
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2010	86.074.314	143.764.328	324.844.535	21.614.297	576.297.474
Khấu hao trong năm	449.399.321	571.607.550	241.552.289	59.390.669	1.321.949.829
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(149.214.912)	-	(149.214.912)
Giảm khác	(2.251.695)	-	-	-	(2.251.695)
Tại ngày 31/12/2010	533.221.940	715.371.878	382.905.483	81.004.966	1.712.504.267
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2010	15.231.237.328	8.179.217.070	2.760.592.131	81.986.181	26.253.032.710
Tại ngày 31/12/2010	14.621.967.736	6.712.320.017	3.754.203.910	112.730.056	25.201.221.719

5.7 Đầu tư và công ty liên kết, liên doanh

	Giá gốc của khoản đầu tư VND	Lũy kế các khoản điều chỉnh đến đầu năm nay VND	Các khoản điều chỉnh trong năm nay VND	Số dư cuối năm nay VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên Đất Việt (*)	13.500.000.000	(860.942.377)	(1.010.100.240)	11.628.957.383
Góp vốn liên doanh Công ty Cổ phần Phú Hà Hòa Bình (**)	2.444.900.000	-	(74.353.724)	2.370.546.276
Góp vốn liên doanh dự án Khu nhà ở, dịch vụ thương mại và văn phòng làm việc tại phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội (***)	20.870.000.000	-	-	20.870.000.000
Cộng	36.814.900.000	(860.942.377)	(1.084.453.964)	34.869.503.659

(*) Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên Đất Việt được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103023482 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 02 tháng 04 năm 2008, thay đổi lần 1 ngày 16 tháng 09 năm 2009. Vốn điều lệ là 15 tỷ đồng. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên Đất Việt là thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản. Tỷ lệ phần sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Tài Nguyên trong Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên Đất Việt là 30%.

(**) Công ty Cổ phần Phú Hà Hòa Bình được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5400340634 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp ngày 29 tháng 01 năm 2010. Đăng

ký thay đổi lần 2 ngày 11 tháng 05 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp. Vốn điều lệ của Công ty là 20.000.000.000 đồng. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Phú Hà - Hòa Bình là khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét. Tỷ lệ phần sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Tài Nguyên trong Công ty Cổ phần Phú Hà - Hòa Bình là 52%. Theo Quyết định số 12/10/QĐ-CPTN ngày 25 tháng 09 năm 2010, Hội đồng Quản trị Công ty đã quyết định bán 280.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Phú Hà Hòa Bình cho Công ty TNHH Long Phát. Sau khi chuyển nhượng ỏ phần trên Công ty Cổ phần Tài Nguyên chỉ còn giữ 760.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Phú Hà - Hòa Bình, chiếm 38% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Phú Hà Hòa Bình.

(***) Đây là khoản góp vốn theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 18/2009/HĐHTKD ngày 25 tháng 05 năm 2009 về việc hợp tác đầu tư, quản lý, khai thác và kinh doanh dự án khu nhà ở, dịch vụ thương mại và văn phòng làm việc tại Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội. Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh này, Công ty Cổ phần Tài Nguyên cùng với 3 đối tác khác sẽ cùng góp vốn và quản lý dự án nêu trên. Tỷ lệ vốn góp của mỗi đối tác là 25%. Lợi nhuận (hoặc lỗ) được phân chia theo tỷ lệ vốn góp.

5.8 Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Góp vốn vào Công ty CP Đầu tư khoáng sản dầu khí Điện Biên	200.000.000	-
Cộng	200.000.000	-

Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Dầu khí Điện Biên được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5600214066 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Điện Biên cấp ngày 03 tháng 02 năm 2010, vốn điều lệ là 80.000.000.000 đồng. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Dầu khí Điện Biên là khai thác và chế biến khoáng sản. Tỷ lệ phần sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Tài nguyên trong Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Dầu khí Điện Biên là 10%.

5.9 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	206.685.482	12.182.780
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.910.745.981	322.604.477
Thuế thu nhập cá nhân	2.073.586	-
Thuế nhà thầu	9.008.700	-
Các loại thuế khác	4.405.133	-
	14.520.000	104.520.000
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		
Cộng	5.147.438.882	439.307.257

5.10 Vay và nợ dài hạn

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Hàng Hải (*)	330.000.000	330.000.000
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (**)	402.495.000	402.495.000
Ngân hàng TMCP Quốc tế (***)	714.000.000	-
Cộng	<u>1.446.495.000</u>	<u>732.495.000</u>

(*) Đây là khoản vay theo hợp đồng số 1/SGD-PGDĐT-CC/BD ngày 03 tháng 08 năm 2009. Mục đích là để mua xe ô tô Innova. Thời gian vay là 60 tháng. Lãi suất của khoản vay này được tính bằng lãi suất huy động tiết kiệm 12 tháng của Ngân hàng TMCP Hàng hải cộng (+) với 4%/năm. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay.

(**) Đây là khoản vay theo hợp đồng số 15.200909.03/HĐTĐ ngày 23 tháng 09 năm 2009. Mục đích là để thanh toán một phần tiền mua xe ô tô Kamaz. Thời gian vay là 36 tháng. Lãi suất của khoản vay này được xác định tại thời điểm giải ngân là 0,875%/tháng và được điều chỉnh theo thông báo của SeaBank trong từng thời kỳ. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay.

(***) Khoản vay Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam - chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng tín dụng số 10.11.10.116 ngày 24 tháng 12 năm 2010. Mục đích vay để thanh toán một phần tiền mua xe ô tô Camry. Thời gian vay là 48 tháng. Lãi suất của khoản vay này được xác định tại thời điểm giải ngân là 19%/năm áp dụng theo lãi suất thả nổi điều chỉnh 3 tháng/lần, bằng lãi suất điều chuyển vốn kinh doanh VND kỳ hạn 3 tháng của VIB cộng (+) 5%/năm, chịu sự điều chỉnh theo chính sách lãi suất của VIB tại mỗi thời kỳ. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay.

Các khoản vay dài hạn đượ hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Trong vòng 1 năm	442.665.800	320.004.000
Trong năm thứ 2	442.665.800	320.004.000
Từ năm thứ 3 đến năm thứ 5	561.163.400	412.491.000
Cộng	<u>1.446.495.000</u>	<u>1.052.499.000</u>

5.11 **Vốn chủ sở hữu**

a) **Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2009	35.000.000.000	-	102.799.120	35.102.799.120
Tăng trong năm	50.000.000.000	2.165.000.000	-	52.165.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	2.253.283.058	2.253.283.058
Tại ngày 01/01/2010	85.000.000.000	2.165.000.000	2.356.082.178	89.521.082.178
Tăng trong kỳ	-	-	14.461.186.278	14.461.186.278
Lợi nhuận trong năm	-	-	14.461.186.278	14.461.186.278
Tại ngày 31/12/2010	<u>85.000.000.000</u>	<u>2.165.000.000</u>	<u>16.817.268.456</u>	<u>103.982.268.456</u>

b) Cổ phiếu

	Năm 2010	Năm 2009
	Cổ phần	Cổ phần
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.500.000	8.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.500.000	8.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.500.000	8.500.000
- Cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.500.000	8.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.500.000	8.500.000
- Cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/1 cổ phiếu		

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	74.627.815.890	6.993.178.962
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng hóa	70.433.718.536	5.194.533.657
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.194.097.354	1.798.645.305
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	246.906.731
Cộng	74.627.815.890	6.746.272.231

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Giá vốn hàng bán	63.321.814.909	2.531.442.061
Giá vốn dịch vụ	1.101.681.400	-
Cộng	64.423.496.309	2.531.442.061

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.235.280.597	1.243.447.472
Cổ tức, lợi nhuận được chia	208.987.000	-
Thu nhập khác	12.895.548.762	-
Cộng	14.339.816.359	1.243.447.472

6.4 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lãi tiền vay	197.016.797	38.130.339
Cộng	197.016.797	38.130.339

6.5 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
- Công ty Cổ phần Tài Nguyên	5.458.733.004	325.911.477
- Công ty TNHH Tài nguyên Khoáng sản - HN Điện Biên	-	-
- Công ty CP Bất động sản Tài nguyên Hà Nội	-	-
- Công ty CP Sàn BDS Tài Nguyên	-	-
Cộng	5.458.733.004	325.911.477

6.6 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	14.461.186.278	2.253.283.058
Số cổ phần phổ thông lưu hành đầu kỳ	8.500.000	-
Số cổ phần phổ thông lưu hành cuối kỳ	8.500.000	-
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	8.500.000	4.476.273
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.701	503

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin các bên liên quan

Trong năm, Công ty đã có giao dịch với các bên có liên quan:

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Góp vốn vào công ty liên doanh, liên kết	5.094.900.000	300.000.000
- Đầu tư vào Công ty CP Phú Hà Hòa Bình	2.444.900.000	-
- Chuyển nhượng vốn đầu tư vào Công ty CP Đất vàng Thăng Long	(300.000.000)	300.000.000
- Đầu tư vào Công ty CP Đầu tư khoáng sản dầu khí Điện Biên	200.000.000	-
- Góp vốn liên doanh dự án Khu nhà ở, dịch vụ thương mại và văn phòng làm việc tại phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội	2.750.000.000	-

7.2 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất năm 2009 đã được kiểm toán.

Nguyễn Gia Long

Chu Thị Thanh Vân

Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		45.597.616.648	39.752.886.380
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		3.243.143.398	9.721.485.818
1. Tiền	111	V.1	3.243.143.398	9.721.485.818
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		28.081.261.500	27.065.677.726
1. Phải thu khách hàng	131		12.600.000.000	523.509.835
2. Trả trước cho người bán	132		481.261.500	534.551.350
5. Các khoản phải thu khác	135	V.2	15.000.000.000	26.007.616.541
IV. Hàng tồn kho	140		60.000.000	-
1. Hàng tồn kho	141		60.000.000	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		14.213.211.750	2.965.722.836
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		213.211.750	46.500.063
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	412.882.773
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.3	14.000.000.000	2.506.340.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		76.646.573.957	58.478.192.644
II. Tài sản cố định	220		1.779.286.776	1.992.336.313
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.4	1.645.293.533	1.627.529.434
- Nguyên giá	222		1.853.727.779	1.714.424.144
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(208.434.246)	(86.894.710)
3. Tài sản cố định vô hình	227		26.250.000	-
- Nguyên giá	228		27.000.000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(750.000)	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.5	107.743.243	364.806.879
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		74.490.187.036	56.452.120.407
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.6	37.475.287.036	24.532.120.407
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.7	36.814.900.000	31.920.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		200.000.000	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		377.100.145	33.735.924
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	377.100.145	33.735.924
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		122.244.190.605	98.231.079.024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MÃ SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		16.665.433.882	9.100.632.177
I. Nợ ngắn hạn	310		15.218.938.882	8.048.133.177
2. Phải trả người bán	312		72.000.000	-
3. Người mua trả tiền trước	313		-	7.697.000.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.9	5.146.938.882	346.133.177
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.10	10.000.000.000	5.000.000
II. Nợ dài hạn	330		1.446.495.000	1.052.499.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.11	1.446.495.000	1.052.499.000
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		105.578.756.723	89.130.446.847
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.12	105.578.756.723	89.130.446.847
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		85.000.000.000	85.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.165.000.000	2.165.000.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		18.413.756.723	1.965.446.847
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		122.244.190.605	98.231.079.024

Nguyễn Gia Long**Tổng Giám đốc**

Chu Thị Thanh Vân**Kế toán trưởng***Hà Nội, ngày 15 tháng 2 năm 2011*

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	70.809.288.819	1.798.645.305
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		70.809.288.819	1.798.645.305
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	60.021.920.660	-
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		10.787.368.159	1.798.645.305
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	14.004.819.185	1.241.625.521
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	137.132.297	38.130.339
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		137.132.297	38.130.339
8. Chi phí bán hàng	24		27.192.000	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.587.633.544	1.139.794.689
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		22.040.229.503	1.862.345.798
11. Thu nhập khác	31		3.777.147	5.500
12. Chi phí khác	32		136.963.770	-
13. Lợi nhuận khác	40		(133.186.623)	5.500
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	VI.5	21.907.042.880	1.862.351.298
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.5	5.458.733.004	325.911.477
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		16.448.309.876	1.536.439.821
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.6	1.935	391

Nguyễn Gia Long

Tổng Giám đốc

Chu Thị Thanh Vân

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 15 tháng 2 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và DT khác	01		85.120.754.476	1.455.000.000
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(69.867.598.542)	(2.742.537.300)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(964.710.982)	(360.733.600)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(137.132.297)	(38.130.339)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(875.366.256)	(98.683.168)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		3.834.362.240	11.053.547.408
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07		(16.524.191.244)	(3.296.232.178)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		586.117.395	5.972.230.823
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(183.200.000)	(1.714.424.144)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	(29.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		11.000.000.000	10.873.500.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(23.450.075.000)	(33.256.577.407)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		3.750.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.424.819.185	1.241.625.521
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(7.458.455.815)	(51.855.876.030)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	52.165.000.000
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		5.714.000.000	3.840.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(5.320.004.000)	(2.787.501.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		393.996.000	53.217.499.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(6.478.342.420)	7.333.853.793
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		9.721.485.818	2.387.632.025
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	3.243.143.398	9.721.485.818

Nguyễn Gia Long

Tổng Giám đốc

Chu Thị Thanh Vân

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 15 tháng 2 năm 2011

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tài Nguyên (gọi tắt là “Công ty”) được chuyển đổi từ Công ty TNHH Tư vấn và Đầu tư Tài Nguyên theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần lần đầu số 0103018230 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 02 tháng 07 năm 2007.

Hiện nay, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần 6 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 29 tháng 01 năm 2010. Vốn điều lệ hiện nay của Công ty là 85.000.000.000 đồng (tám mươi lăm tỷ đồng chẵn), tương ứng với 8.500.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/1 cổ phần.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty Cổ phần Tài Nguyên có 03 Công ty con cụ thể như sau:

- Công ty Cổ phần Tài nguyên và Khoáng sản Hà Nội - Điện Biên
- Công ty Cổ phần Sàn bất động sản Tài Nguyên
- Công ty Cổ phần Bất động sản Tài nguyên Hà Nội

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 23 người.

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103018230 đăng ký thay đổi lần thứ 6 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 29 tháng 01 năm 2010, ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Tư vấn đầu tư (không bao gồm dịch vụ tư vấn pháp luật và tư vấn tài chính);
- Môi giới, xúc tiến thương mại;
- San lấp mặt bằng các công trình xây dựng;
- Thi công xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp;
- Vận tải hàng hoá, vận chuyển hành khách;
- Lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế và các dịch vụ du lịch khác (không bao gồm kinh doanh phòng hát Karaoke, quán Bar, vũ trường);
- Môi giới bất động sản, dịch vụ nhà đất;
- Kinh doanh bất động sản;
- Khai thác, chế biến và kinh doanh khoáng sản (trừ khoáng sản Nhà nước cấm);
- Kinh doanh các dịch vụ về môi trường;
- Kinh doanh dịch vụ ăn uống, giải khát (không bao gồm kinh doanh phòng hát Karaoke, quán Bar, vũ trường);
- Tư vấn lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);

-
- Tư vấn, giới thiệu việc làm trong nước (trừ các hoạt động môi giới, xuất khẩu lao động và tuyển dụng cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động);
 - Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về môi giới bất động sản, định giá bất động sản và quản lý điều hành sàn giao dịch bất động sản; Đào tạo tin học văn phòng; Đào tạo ngoại ngữ: Tiếng Anh, tiếng Trung Quốc, tiếng Nhật; tiếng Hàn Quốc (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
 - Kinh doanh siêu thị, trung tâm thương mại; và
 - Kinh doanh dịch vụ bất động sản (dịch vụ sàn giao dịch bất động sản, dịch vụ tư vấn bất động sản, dịch vụ đấu giá bất động sản, dịch vụ quảng cáo bất động sản, dịch vụ quản lý bất động sản).

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH, KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Đồng thời, Công ty cũng đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi Báo cáo tài chính hợp nhất.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một nhóm thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Bất kỳ lợi thế kinh doanh nào có được từ việc mua lại phần góp vốn của Công ty tại đơn vị góp vốn liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty liên quan đến lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành thành các khoản tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009. Theo đó, Công ty được phép lập dự phòng phải thu khó đòi cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Phương tiện vận tải	07
Thiết bị dụng cụ quản lý	03

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ, chi phí cải tạo văn phòng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác một phần được tập hợp vào chi phí để tính giá thành và một phần được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Bảo hiểm thất nghiệp được trích theo hướng dẫn của Nghị định 127/2008/NĐ - CP của Chính phủ ban hành ngày 12 tháng 12 năm 2008.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tiền mặt	1.788.362.679	3.242.016.927
Tiền gửi ngân hàng	1.454.780.719	6.479.468.891
Cộng	3.243.143.398	9.721.485.818

2. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Cho vay	15.000.000.000	26.000.000.000
Phải thu khác	-	7.616.541
Cộng	15.000.000.000	26.007.616.541

3. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tạm ứng	14.000.000.000	2.506.340.000
Cộng	14.000.000.000	2.506.340.000

4. Tài sản cố định hữu hình

	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2010	1.610.823.666	103.600.478	1.714.424.144
Mua trong năm	1.051.672.727	47.370.908	1.099.043.635
Góp vốn vào công ty con	(959.740.000)	-	(959.740.000)
Tại ngày 31/12/2010	1.702.756.393	150.971.386	1.853.727.779
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2010	65.280.413	21.614.297	86.894.710
Khấu hao trong năm	103.552.569	52.263.396	155.815.965
Giảm do góp vốn vào Công ty con	(34.276.429)		(34.276.429)
Tại ngày 31/12/2010	134.556.553	73.877.693	208.434.246
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2010	1.545.543.253	81.986.181	1.627.529.434
Tại ngày 31/12/2010	1.568.199.840	77.093.693	1.645.293.533

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, giá trị còn lại của tài sản cố định dùng để thế chấp cho các khoản vay là 1.558.071.134 đồng.

5. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Chi phí khảo sát thiết kế dự án khai thác mỏ tại Lâm Đồng	107.743.243	103.508.896
Chi phí mua đèn Lead cho Công ty CP Sản xuất động sản Tài Nguyên	-	261.297.983
Cộng	107.743.243	364.806.879

6. Đầu tư vào công ty con

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Công ty TNHH Tài nguyên và Khoáng sản Hà Nội - Điện Biên	31.915.517.036	22.842.120.407
Công ty CP Sản xuất động sản Tài nguyên	3.682.770.000	1.690.000.000
Công ty CP Sản xuất động sản Tài nguyên Hà Nội	1.877.000.000	-
Cộng	37.475.287.036	24.532.120.407

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

TT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và biểu quyết năm giữ	Giá trị đầu tư ghi nhận tại Công ty tại ngày 31/12/2010	Hoạt động chính
1.	Công ty TNHH Tài nguyên và Khoáng sản Hà Nội - Điện Biên (*)	Điện Biên	100%	31.915.517.036	Khai thác khoáng sản
2.	Công ty CP Sản xuất động sản Tài Nguyên (**)	Hà Nội	70%	3.682.770.000	Kinh doanh dịch vụ bất động sản
3.	Công ty CP Sản xuất động sản Tài nguyên Hà Nội (***)	Hà Nội	68%	1.877.000.000	Xây dựng; kinh doanh xi măng, sắt thép

(*) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty TNHH một thành viên số 5600185270 thay đổi lần thứ nhất ngày 05 tháng 08 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Điện Biên cấp, vốn điều lệ của Công ty này là 10.000.000.000 đồng. Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2010, Công ty Cổ phần Tài Nguyên đã góp 31.915.517.036 đồng. Tuy nhiên, đến thời điểm kiểm toán, Công ty chưa hoàn thiện thủ tục để thay đổi đăng ký kinh doanh.

(**) Công ty Cổ phần sản xuất khoáng sản Tài Nguyên được thành lập ngày 28 tháng 05 năm 2009, tổng vốn điều lệ đăng ký là 6.500.000.000 đồng. Tuy nhiên, đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2010, toàn bộ vốn đầu tư của chủ sở hữu của công ty này là do Công ty Cổ phần Tài Nguyên góp. Các cổ đông khác chưa thực hiện góp vốn điều lệ theo cam kết.

(***) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần Sản xuất khoáng sản Tài Nguyên Hà Nội số 0104562719 thay đổi lần thứ ba ngày 29 tháng 12 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, vốn điều lệ của Công ty bằng vốn pháp định là 6.000.000.000 đồng. Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2010, các cổ đông còn lại mới góp được 170.000.000 đồng (tương đương với 8,85%)

6. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên Đất Việt (*)	13.500.000.000	13.500.000.000
Công ty Cổ phần Đất vàng Thăng Long (**)	-	300.000.000
Góp vốn liên doanh Công ty Cổ phần Phú Hà Hòa Bình (***)	2.444.900.000	-
Góp vốn liên doanh dự án Khu nhà ở, dịch vụ thương mại và văn phòng làm việc tại phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội (****)	20.870.000.000	18.120.000.000
Cộng	36.814.900.000	31.920.000.000

(*) Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên Đất Việt được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103023482 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 02 tháng 04 năm 2008, thay đổi lần 1 ngày 16 tháng 09 năm 2009. Vốn điều lệ là 15 tỷ đồng. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên Đất Việt là thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản. Tỷ lệ phần sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Tài Nguyên trong Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên Đất Việt là 30%.

(**) Công ty Cổ phần Đất vàng Thăng Long được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103038188 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 08 tháng 06 năm 2009, thay đổi lần 1 ngày 19 tháng 10 năm 2009. Vốn điều lệ là 6 tỷ đồng. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Đất vàng Thăng Long là kinh doanh bất động sản; kinh doanh dịch vụ bất động sản; thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản. Tỷ lệ phần sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Tài Nguyên trong Công ty Cổ phần Đất vàng Thăng Long là 28%. Theo hợp đồng chuyển nhượng vốn giữa Công ty Cổ phần Tài Nguyên và Ông Nguyễn Quốc Bảo ngày 25 tháng 05 năm 2010, Công ty đã chuyển nhượng 16.800 cổ phần của Công ty tại Công ty Cổ phần Đất vàng Thăng Long cho ông Nguyễn Quốc Bảo.

(***) Công ty Cổ phần Phú Hà Hòa Bình được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5400340634 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp ngày 29 tháng 01 năm 2010. Đăng ký thay đổi lần 2 ngày 11 tháng 05 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp. Vốn điều lệ của Công ty là 20.000.000.000 đồng. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Phú Hà - Hòa Bình là khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét. Tỷ lệ phần sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Tài Nguyên trong Công ty Cổ phần Phú Hà - Hòa Bình là 52%. Theo Quyết định số 12/10/QĐ-CPTN ngày 25 tháng 09 năm 2010, Hội đồng Quản trị Công ty đã quyết định bán 280.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Phú Hà Hòa Bình cho Công ty TNHH Long Phát. Sau khi chuyển nhượng cổ phần trên Công ty Cổ phần Tài Nguyên chỉ còn giữ 760.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Phú Hà - Hòa Bình, chiếm 38% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Phú Hà Hòa Bình.

7. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

(****) Đây là khoản góp vốn theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 18/2009/HĐHTKD ngày 25 tháng 05 năm 2009 về việc hợp tác đầu tư, quản lý, khai thác và kinh doanh dự án khu nhà ở, dịch vụ thương mại và văn phòng làm việc tại Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội. Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh này, Công ty Cổ phần Tài Nguyên cùng với 3 đối tác khác sẽ cùng góp vốn và quản lý dự án nêu trên. Tỷ lệ vốn góp của mỗi đối tác là 25%. Lợi nhuận (hoặc lỗ) được phân chia theo tỷ lệ vốn góp.

8. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ	95.322.145	33.735.924
Chi phí cải tạo Văn phòng	281.778.000	-
Cộng	377.100.145	33.735.924

9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	206.685.482	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.910.745.981	322.604.477
Thuế thu nhập cá nhân	1.573.586	-
Thuế tài nguyên	9.008.700	9.008.700
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	14.520.000	14.520.000
Cộng	5.146.938.882	346.133.177

10. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tài sản thừa chờ giải quyết	-	5.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	10.000.000.000	-
Cộng	10.000.000.000	5.000.000

11. Vay và nợ dài hạn

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Ngân hàng Thương mại cổ phần Hàng Hải	330.000.000	650.004.000
Ngân hàng Thương mại cổ phần Đông Nam Á	402.495.000	402.495.000
Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam - CN Hà Nội	714.000.000	-
Cộng	1.446.495.000	1.052.499.000

Khoản vay Ngân hàng Thương mại cổ phần Hàng Hải theo hợp đồng tín dụng số 1/SGD-PGDĐT-CC/BD ngày 03 tháng 08 năm 2009. Mục đích vay để mua xe ô tô Innova. Thời gian vay là 60 tháng. Lãi suất của khoản vay này được tính bằng lãi suất huy động tiết kiệm 12 tháng của Ngân hàng TMCP Hàng Hải cộng (+) với 4%/năm. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay.

Khoản vay Ngân hàng Thương mại cổ phần Đông Nam Á theo hợp đồng tín dụng số 15.200909.03/HDTD ngày 23 tháng 09 năm 2009. Mục đích vay để mua xe ô tô Kamaz. Thời gian vay là 36 tháng. Lãi suất của khoản vay này được xác định tại thời điểm giải ngân là 0.875%/tháng và được điều chỉnh theo thông báo của Seabank từng thời kỳ. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay.

Khoản vay Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam - chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng tín dụng số 10.11.10.116 ngày 24 tháng 12 năm 2010. Mục đích vay để thanh toán một phần tiền mua xe ô tô Camry. Thời gian vay là 48 tháng. Lãi suất của khoản vay này được xác định tại thời điểm giải ngân là 19%/năm áp dụng theo lãi suất thả nổi điều chỉnh 3 tháng/lần, bằng lãi suất điều chuyển vốn kinh doanh VND kỳ hạn 3 tháng của VIB cộng (+) 5%/năm, chịu sự điều chỉnh theo chính sách lãi suất của VIB tại mỗi thời kỳ. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Trong vòng 1 năm	442.665.800	320.004.000
Trong năm thứ 2	442.665.800	320.004.000
Từ năm thứ 3 đến năm thứ 5	561.163.400	412.491.000
Cộng	<u>1.446.495.000</u>	<u>1.052.499.000</u>

12. Vốn chủ sở hữu

a) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2009	35.000.000.000	-	429.007.026	35.429.007.026
Tăng vốn trong năm trước	50.000.000.000	2.165.000.000	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	1.536.439.821	1.536.439.821
Tại ngày 01/01/2010	85.000.000.000	2.165.000.000	1.965.446.847	89.130.446.847
Lợi nhuận trong năm	-	-	16.448.309.876	16.448.309.876
Tại ngày 31/12/2010	<u>85.000.000.000</u>	<u>2.165.000.000</u>	<u>18.413.756.723</u>	<u>105.578.756.723</u>

b) Cổ phiếu

	Năm 2010 Cổ phần	Năm 2009 Cổ phần
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.500.000	8.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.500.000	8.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.500.000	8.500.000
- Cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.500.000	8.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.500.000	8.500.000
- Cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/1 cổ phiếu

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Doanh thu bán hàng hóa	60.272.101.910	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	10.537.186.909	1.798.645.305
Cộng	70.809.288.819	1.798.645.305

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Giá vốn hàng hóa bán ra	60.021.920.660	-
Cộng	60.021.920.660	-

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.215.832.185	1.241.625.521
Cổ tức, lợi nhuận được chia	208.987.000	-
Thu nhập tài chính khác	12.580.000.000	-
Cộng	14.004.819.185	1.241.625.521

4. Chi phí tài chính

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lãi tiền vay	137.132.297	38.130.339
Cộng	137.132.297	38.130.339

5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lợi nhuận trước thuế	21.907.042.880	1.862.351.298
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(72.110.864)	
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	208.987.000	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	136.876.136	-
+ Tiền phạt nộp chậm thuế	-	-
+ Điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế khác	136.876.136	
Thu nhập chịu thuế	21.834.932.016	1.862.351.298
Thuế suất hiện hành	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.458.733.004	465.587.825
Thuế TNDN được giảm trong kỳ	-	139.676.347
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	5.458.733.004	325.911.477

6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	16.448.309.876	1.536.439.821
Số cổ phiếu phổ thông lưu hành đầu năm	8.500.000	3.500.000
Số cổ phiếu phổ thông lưu hành cuối năm	8.500.000	8.500.000
Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	8.500.000	3.930.556
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.935	391

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Trong năm 2010, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Đầu tư vào Công ty con	12.943.166.629	15.859.765.407
- Đầu tư vào Công ty TNHH Tài Nguyên và Khoáng sản Hà Nội - Điện Biên	9.073.396.629	14.169.765.407
- Đầu tư vào Công ty CP Sản bất động sản Tài Nguyên	1.992.770.000	1.690.000.000
- Đầu tư vào Công ty CP Bất động sản tài nguyên Hà Nội	1.877.000.000	-
Góp vốn vào công ty liên doanh, liên kết	5.094.900.000	300.000.000
- Đầu tư vào Công ty CP Phú Hà Hòa Bình	2.444.900.000	-
- Chuyển nhượng vốn đầu tư vào Công ty CP Đất vàng Thăng Long	(300.000.000)	300.000.000
- Đầu tư vào Công ty CP Đầu tư khoáng sản dầu khí Điện Biên	200.000.000	-
- Góp vốn liên doanh dự án Khu nhà ở, dịch vụ thương mại và văn phòng làm việc tại phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội	2.750.000.000	-
Doanh thu	225.000.000	-
- Cho Công ty CP Sản bất động sản Tài Nguyên thuê VP	225.000.000	-
- Cho Công ty CP Bất động sản Tài nguyên Hà Nội thuê VP	90.000.000	-
Thu hồi công nợ từ Ban Giám đốc	-	7.873.000.000

Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị được hưởng trong năm 2010 như sau:

	VND	VND
Lương, thưởng và các khoản phụ cấp của Ban Giám đốc, HĐQT	179.754.165	156.000.000

2. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán và cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính .

3. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được kiểm toán.

Nguyễn Gia Long

Tổng Giám đốc

Chu Thị Thanh Vân

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 15 tháng 2 năm 2011

V. Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán

1. Kiểm toán độc lập

+ Đơn vị kiểm toán độc lập

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH

- Địa chỉ: P.501, Tầng 15 tòa nhà 17T-1 Trung Hòa Nhân Chính, Hà Nội
- Điện thoại: (84 4) 6281 1488 Fax: (84.4) 6281 1499
- Email: contact@afc-acagroup.vn

+ Ý kiến kiểm toán độc lập:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tài Nguyên tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

+ Các nhận xét đặc biệt: Không có.

2. Kiểm toán nội bộ

+ Ý kiến kiểm toán nội bộ:

- + Đến hết năm 2010 BKS không phát hiện trường hợp bất thường nào trong hoạt động tài chính của Công ty.
- + Các quy trình hoạt động tuân thủ theo các yêu cầu của hệ thống quản trị nội bộ.
- + Hệ thống kiểm soát tài chính nội bộ và chế độ giao ban vận hành tốt, kịp thời phát hiện các vấn đề, đưa ra các kiến nghị và giải pháp phù hợp.
- + BKS cũng đã phối hợp làm việc với tổ chức kiểm toán báo cáo tài chính của công ty để cùng tìm hiểu và làm rõ các vấn đề phát sinh trong quá trình kiểm toán.
- + BKS đồng ý cơ bản với các đánh giá về hoạt động và tài chính trong các báo cáo của Công ty và tổ chức kiểm toán.

+ Các nhận xét đặc biệt: Không có

VI. Các công ty có liên quan

+ Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của công ty: không có

+ Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do tổ chức, công ty nắm giữ:

1. Công ty TNHH Tài nguyên và Khoáng sản Hà Nội - Điện Biên

Công ty TNHH Tài nguyên và Khoáng sản Hà Nội-Điện Biên được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6204000025 vào ngày 06/03/2008, có vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh là 10 tỷ đồng, là đơn vị trực thuộc 100% vốn của Công ty Cổ phần Tài Nguyên. Công ty TNHH Tài Nguyên và Khoáng sản Hà Nội - Điện Biên có trách nhiệm tiếp quản, đầu tư và quản lý toàn bộ các dự án khai thác và chế biến khoáng sản của Công ty Cổ phần Tài Nguyên tại tỉnh Điện Biên. Giá trị đầu tư ghi nhận tại Công ty ngày 31/12/2010: 31,916 tỷ đồng (*).

Hiện nay, Công ty TNHH Tài nguyên và Khoáng sản Hà Nội - Điện Biên đang chịu trách nhiệm khai thác điểm mỏ chì, kẽm 65 ha tại bản Xá Nhè, xã Mùn Chung, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên để cung cấp nguyên liệu đầu vào cho dự án đầu tư nhà máy chế biến luyện chì, kẽm thời xã Mùn Chung, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên với công suất thiết kế giai đoạn 1 là 99.000 tấn quặng nguyên khai/năm và công suất luyện chì, kẽm thời giai đoạn 2 là 6.842 tấn/năm (theo Giấy chứng nhận đầu tư số 62121000014 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Điện Biên cấp cho Công ty TNHH Tài nguyên và Khoáng sản Hà Nội-Điện Biên ngày 09/10/2008).

2. Công ty Cổ phần sản xuất khoáng sản Tài Nguyên

- Địa chỉ: Tầng 1, nhà N2A, đường Hoàng Minh Giám, khu đô thị mới Trung Hòa – Nhân Chính, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103037945 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 28/05/2009.
- Vốn điều lệ: 6.500.000.000 (Sáu tỷ năm trăm triệu) đồng
- Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh dịch vụ bất động sản: dịch vụ môi giới bất động sản, dịch vụ sàn giao dịch bất động sản, dịch vụ tư vấn bất động sản, dịch vụ đấu giá bất động sản, dịch vụ quản lý bất động sản; Thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản...
- Tỷ lệ cổ phần do Công ty Cổ phần Tài Nguyên nắm giữ theo đăng ký kinh doanh: 390.000 cổ phần tương đương 60% vốn điều lệ.

Công ty Cổ phần sản xuất khoáng sản Tài Nguyên đã đi vào hoạt động từ năm 2009 với chức năng chủ yếu là nơi phân phối các sản phẩm bất động sản của Công ty Cổ phần Tài Nguyên,

đồng thời Công ty CP sản bất động sản cũng chủ động kiểm nguồn hàng để cung cấp cho sản giao dịch. Nguồn doanh thu chủ yếu của Công ty CP sản bất động sản Tài Nguyên là phí dịch vụ môi giới bất động sản. Giá trị ghi nhận đầu tư ngày 31/12/2010 là 3,683 tỷ đồng vào Công ty Cổ phần sản Bất động sản Tài Nguyên.

3. Công ty Cổ phần Bất động sản Tài Nguyên Hà Nội

- Địa chỉ: Số 17, lô 2A, đường Trung Yên 1, phường Yên Hoà, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0104562719 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 26/03/2010.
- Vốn điều lệ: 30.000.000.000 (Ba mươi tỷ) đồng
- Ngành nghề kinh doanh: Xây dựng nhà các loại, xây dựng công trình đường sắt, xây dựng công trình đường bộ, xây dựng các công trình công ích, xây dựng các công trình kỹ thuật dân dụng: các nhà máy lọc dầu, các xưởng hoá chất, đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống, đập và đê, xây dựng đường hầm...

Tỉ lệ cổ phần do Công ty Cổ phần Tài Nguyên nắm giữ theo đăng ký kinh doanh: 408.000 cổ phần tương đương 68% vốn điều lệ. Giá trị đầu tư ghi nhận tại 31/12/2010: 1,877 tỷ đồng.

Công ty Cổ phần Bất động sản Tài Nguyên Hà Nội mới đi vào hoạt động vào cuối háng 3 năm 2010 với chức năng chính là phát triển các dự án đầu tư bất động sản mới, và giúp Công ty Cổ phần Tài Nguyên mở rộng hoạt động trong lĩnh vực bất động sản.

+ Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan:

Theo báo cáo tài chính kiểm toán năm 2010, tại thời điểm 31/12/2010, Công ty Cổ phần Tài Nguyên thực hiện đầu tư, liên kết và góp vốn vào các công ty sau:

1. Công ty Cổ phần Đầu tư Tài Nguyên Đất Việt

- Địa chỉ: số 306, tầng 03, nhà 18-T2, đường Lê Văn Lương, khu đô thị mới Trung Hòa - Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103037945 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 02/04/2008 và thay đổi lần thứ 1 ngày 16/09/2008.
- Vốn điều lệ: 15.000.000.000 (Mười lăm tỷ) đồng.

-
- Ngành nghề kinh doanh: Đầu tư, thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản; tư vấn và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực công nghiệp, môi giới bất động sản...

Hiện nay, Công ty Cổ phần Đầu tư Tài Nguyên Đất Việt đang khai thác tận thu và chế biến sa khoáng Titan tại xã Thành Mỹ, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định theo giấy phép khai thác khoáng sản Titan số 25/GP-UBND ngày 17/04/2009. Thông tin dự án chi tiết như sau:

- ❖ Diện tích khai thác: 10 ha
- ❖ Thời gian khai thác: 03 năm
- ❖ Trữ lượng: 1.350.000 m³ cát quặng, tương đương 27.000 tấn ilmenite.
- ❖ Sản lượng khai thác hàng năm: 450.000 m³ cát quặng, tương đương 9.000 tấn ilmenite.

Tỉ lệ cổ phần do Công ty Cổ phần Tài Nguyên nắm giữ theo đăng ký kinh doanh: 450.000 cổ phần tương đương 30% vốn điều lệ. Theo báo cáo tài chính kiểm toán, giá trị đầu tư của Công ty Cổ phần Tài Nguyên vào Công ty Cổ phần Đầu tư Tài Nguyên Đất Việt ban đầu là 13,5 tỷ đồng (450.000 cổ phần với giá mua 30.000 đồng/cổ phần). Tại thời điểm 31/12/2010, giá trị đầu tư còn lại là 11,629 tỷ đồng.

2. Công ty Cổ phần Phú Hà - Hoà Bình

- Địa chỉ: Số nhà 81, tổ 14, phường Chăm Mát, thành phố Hoà Bình, tỉnh Hoà Bình
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 5400340634 ngày 29 tháng 01 năm 2010, đăng ký thay đổi lần nhất ngày 02 tháng 02 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hoà Bình.
- Vốn điều lệ: 20.000.000.000 (Hai mươi tỷ) đồng.
- Ngành nghề kinh doanh: khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; xây dựng nhà các loại; xây dựng các công trình kỹ thuật dân dụng; hạ tầng kỹ thuật đô thị; công nghiệp, giao thông, thủy lợi, điện đường dây và trạm biến áp từ 35 kV trở xuống; hoạt động xây dựng chuyên dụng (trang trí nội thất, ngoại thất); kho bãi và lưu giữ hàng hoá; (cho thuê kho, bãi đỗ xe)
- Tỉ lệ cổ phần do Công ty Cổ phần Tài Nguyên sở hữu: 760.000 cổ phần tương đương 38% vốn điều lệ. Đến 31/12/2010, Công ty Cổ phần Tài Nguyên đã thực góp 2,44 tỷ đồng vào Công ty Cổ phần Phú Hà – Hoà Bình.

-
- Công ty Cổ phần Tài Nguyên liên doanh góp vốn với Công ty CP Phú Hà – Hòa Bình thực hiện Dự án Nhà máy gạch Tuynen, hiện dự án đang trong giai đoạn triển khai thực hiện và dự kiến chính thức đi vào sản xuất trong quý VI năm 2011.

3. Góp vốn liên doanh thực hiện dự án đầu tư Khu nhà ở, dịch vụ thương mại và văn phòng làm việc tại phường Nhân Chính, Thanh Xuân.

- Dự án toà nhà Chung cư, văn phòng cho thuê và biệt thự đường Ngụy Như Kon Tum - Lê Văn Thiêm, Hà Nội do Tổng Công ty Thành An – Bộ Quốc Phòng quản lý, Dự án đầu tư có diện tích khoảng 9.134 m², với tổng vốn đầu tư trên 1.000 tỷ đồng. TNT tham gia vào liên doanh thực hiện dự án trên với 25% vốn góp, đảm nhận phần cung cấp tài chính, nguyên vật liệu xây dựng và bán hàng cho dự án. Tháng 9/2009, Công ty Cổ phần Tài Nguyên đã ký kết hợp đồng với 3 đối tác để cùng triển khai dự án trên. Tuy nhiên, hiện dự án trên đang tạm dừng để báo cáo lên Thủ tướng Chính phủ. Dự án đã thi công được đại trà phần móng.

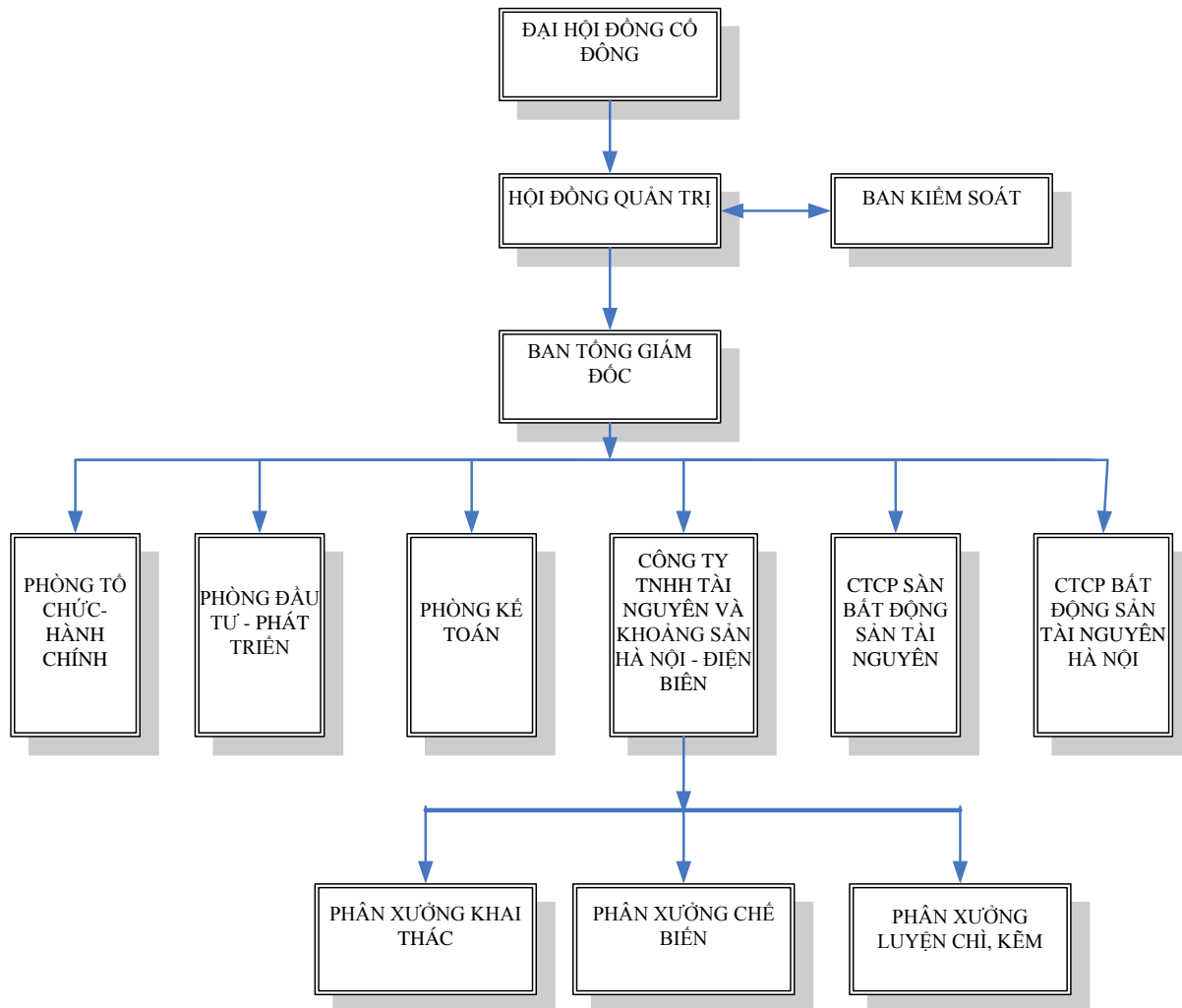
VII. Tổ chức và nhân sự

Cơ cấu tổ chức của công ty

Công ty Cổ phần Tài Nguyên được tổ chức và hoạt động tuân thủ theo:

- ❖ Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam có hiệu lực từ ngày 01/7/2006.
- ❖ Điều lệ Công ty được sửa đổi và thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2010 ngày 03/04/2010.

Hình 1: Sơ đồ cơ cấu bộ máy quản lý Công ty



Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết. ĐHĐCĐ quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định. ĐHĐCĐ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát của Công ty...

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, quản trị Công ty giữa hai kỳ Đại hội. HĐQT đại diện cho các cổ đông, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT công ty có 05 thành viên. Cơ cấu HĐQT của Công ty như sau:

Ông Nguyễn Gia Long	Chủ tịch HĐQT
Ông Trương Sơn Hiền	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Bá Huân	Thành viên HĐQT
Ông Đoàn Văn Tú	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Gia Minh	Thành viên HĐQT

Ban kiểm soát

Ban kiểm soát là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban giám đốc. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và pháp luật về những công việc thực hiện của Ban. Ban kiểm soát của Công ty có 03 thành viên. Cơ cấu Ban kiểm soát của Công ty như sau:

Ông Vũ Tuấn Hoàng	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Tạ Quang Huy	Thành viên
Bà Trần Thị Trâm	Thành viên

Ban Giám đốc

Ban Giám đốc của Công ty bao gồm 01 Tổng giám đốc, 03 Phó Tổng giám đốc và 01 Kế toán trưởng. Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, là người chịu trách nhiệm chính và duy nhất trước Hội đồng quản trị về tất cả các hoạt động kinh doanh của Công ty. Phó Tổng giám đốc thực hiện các nhiệm vụ khác do Tổng Giám đốc phân công hoặc ủy quyền. Ban giám đốc của Công ty như sau:

Ông Trương Sơn Hiền	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Bá Huân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đoàn Năng Tuân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Tuấn Hoàng	Phó Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Kế toán trưởng được Tổng giám đốc đề nghị và do HĐQT bổ nhiệm.

Bà Chu Thị Thanh Vân Kế toán trưởng

Phòng Kế toán

Phòng Kế toán chịu trách nhiệm báo cáo cho Ban giám đốc về tình hình tài chính, tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty; thực hiện vai trò tham mưu cho Tổng giám đốc Công ty về công tác hoạt động tài chính trong Công ty; theo dõi, kiểm tra và lập báo cáo về tình hình sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ bản; giám sát hạch toán kế toán nội bộ của các đơn vị trực thuộc, hạch toán chi phí của từng đối tượng theo chế độ kế toán ban hành; tham mưu cho Tổng giám đốc công ty chỉ đạo các đơn vị trực thuộc thực hiện các chế độ quản lý tài chính, kế toán theo quy định của Nhà nước và của Công ty; lập báo cáo tài chính hàng quý, hàng năm theo chế độ báo cáo tài chính hiện hành; lập kế hoạch thu chi, theo dõi các khoản phải thu, phải trả.

Phòng Tổ chức - Hành chính

Phòng Tổ chức-Hành chính chịu trách nhiệm quản lý công văn, giấy tờ, sổ sách hành chính và con dấu; quản lý hồ sơ lao động, sổ bảo hiểm xã hội, thực hiện quản lý lao động, tiền lương và các chế độ đối với CBCNV; tham mưu cho Tổng giám đốc Công ty về tổ chức bộ máy sản xuất kinh doanh và bố trí nhân sự cho nhu cầu phát triển của Công ty; xây dựng kế hoạch, chương trình đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho CBCNV; thực hiện công tác lưu trữ hồ sơ, tài liệu của Công ty; quản lý cơ sở vật chất của Công ty, thu mua văn phòng phẩm, giữ gìn môi trường, vệ

sinh trong khuôn viên Công ty, điều phối tài xế phục vụ công tác cho CBCNV; đảm bảo công tác an toàn trong lao động, phòng cháy chữa cháy.

Phòng Đầu tư - Phát triển

Phòng Đầu tư - Phát triển chịu trách nhiệm tìm kiếm các mỏ khoáng sản mới; tổ chức xây dựng các hồ sơ, giấy tờ cần thiết để nộp và giải trình cho các Cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền trong quá trình xin phép khai thác và chế biến khoáng sản; quản lý vốn đầu tư ở các công ty đã góp vốn liên kết, liên doanh; tìm kiếm và đề xuất các cơ hội đầu tư mới cho Ban giám đốc.

Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Gia Long - Chủ tịch HĐQT

- Họ và tên: Nguyễn Gia Long
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh : 21/05/1977
- Số CMTND/Hộ chiếu : 012636740 cấp ngày 30/11/2006 tại Hà Nội
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Đông Phương Yên – Chương Mỹ - Hà Nội
- Địa chỉ thường trú : Số 61/562 đường Láng, Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội.
- Số ĐT liên lạc : 0437736712
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Luật, thạc sĩ quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác :
- Năm 1999 – 2003: Giám đốc công ty TNHH Long Phát
- Năm 2003 – 2008: Chuyên viên Bộ Tài Nguyên và Môi trường

- Năm 2008 – nay: Tổng giám đốc kiêm Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tài Nguyên.
- Chức vụ công tác hiện nay: Tổng Giám Đốc kiêm Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tài Nguyên
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không
- Số cổ phần do cá nhân sở hữu: 3.752.620 cổ phần chiếm 44,15% vốn điều lệ
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
- Số cổ phần của những người có liên quan:

Họ tên	Quan hệ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
Nguyễn Thị Điểm	Mẹ đẻ	2.000	0,0235
Nguyễn Thị Liên	Em gái	1.000	0,0118
Nguyễn Gia Khoa	Em trai	2.000	0,0235

Ông Trương Sơn Hiền – Thành viên HĐQT

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh : 12/06/1968
- Số CMTND/Hộ chiếu : 011921521 cấp ngày 06/12/1995 tại Hà Nội
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: Số 35, ngõ 3, Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội.

-
-
- Số ĐT liên lạc : 04. 3773 6712
 - Trình độ văn hóa : 12/12
 - Trình độ chuyên môn : Cử nhân Luật, cử nhân kinh tế
 - Quá trình công tác :
 - Năm 1982 – 1986: Học viên sĩ quan Cục Tuyên huấn – Tổng cục Chính trị
 - Năm 1986 - 1987: Trợ lý Giám đốc, Quản lý trưởng nhà máy Z113 – Bộ Quốc phòng
 - Năm 1987 – 1994: Thành viên Đoàn ca múa – Tổng cục Chính trị
 - Năm 1994 – 1998: Sinh viên trường Đại học Luật và Đại học Ngoại thương Hà Nội
 - Năm 1998 – 2000: Trợ lý giám đốc Công ty TNHH Mỹ nghệ Ngọc Hà
 - Năm 2000 – 2002: Phó giám đốc Công ty TNHH Nhà đẹp
 - Năm 2002- 2006: Trưởng phòng Kinh doanh XNK Công ty CP thép Nhật Việt
 - Năm 2006 – 2008: Giám đốc điều hành Công ty CP Tài Nguyên
 - Năm 2008 – nay: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Tài Nguyên, thành viên HĐQT - Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không
 - Số cổ phần do cá nhân sở hữu: 440.000 cổ phần chiếm 5,18% vốn điều lệ
 - Hành vi vi phạm pháp luật: Không
 - Các khoản nợ đối với Công ty: Không
 - Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
 - Người có liên quan: Không

Ông Nguyễn Bá Huân – Thành viên HĐQT

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh : 30/04/1977
- Số CMTND/Hộ chiếu : 111291417 cấp ngày 02/03/2009 tại Hà Nội
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Đông Phương Yên – Chương Mỹ - Hà Nội
- Địa chỉ thường trú : Đông Phương Yên – Chương Mỹ - Hà Nội
- Số ĐT liên lạc : 04. 3773 6712
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác :
 - Năm 2001 – 2003: Phó Giám đốc Công ty TNHH Long Phát
 - Năm 2003 – 2006: Phó Giám đốc Công ty TNHH Phương Nam
 - Năm 2006 – 6/2008: Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Tài Nguyên
 - 6/2008 – 11/2008: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tài Nguyên
 - 12/2008 – nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tài Nguyên
 - Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tài Nguyên
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không
- Số cổ phần do cá nhân sở hữu: 390.000 cổ phần chiếm 4,59% vốn điều lệ
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan:

Họ tên	Quan hệ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
Nguyễn Bá Đạt	Em trai	2.000	0,0235
Nguyễn Bá Thắng	Em trai	2.000	0,0235

Ông Đoàn Văn Tú – Thành viên HĐQT

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh : 28/10/1977
- Số CMTND/Hộ chiếu : 013124650 cấp ngày: 10/10/2008 tại CA TP HN
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Đồng Tiến, Quỳnh Phụ, Thái Bình
- Địa chỉ thường trú : Khu TT H26, Phú Thứ, Tây Mỗ, Từ Liêm, Hà Nội
- Số ĐT liên lạc : 04.37736712
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư xây dựng
- Quá trình công tác :
 - Năm 2002 - 2004: Cán bộ kỹ thuật Chi nhánh Công ty CP Xây dựng và kinh doanh nhà Kim Sơn.
 - Năm 2004 – 2009: Cán bộ kỹ thuật Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và đô thị Việt Nam.
 - Năm 2009 - nay: Cán bộ kỹ thuật Công ty CP Tài Nguyên, thành viên HĐQT
- Chức vụ công tác hiện nay: thành viên Hội đồng quản trị
- Chức vụ nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần sở hữu cá nhân: 1.000 cổ phần, chiếm 0,0118% vốn điều lệ
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan: Không

Ông Nguyễn Gia Minh – Thành viên HĐQT

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh : 08/04/1984
- Số CMTND/Hộ chiếu : 111845941 cấp ngày: 26/05/2009 tại CA TP Hà Nội
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Hà Tây
- Địa chỉ thường trú : Thôn 2, Đông Phương Yên, Chương Mỹ, Hà Nội
- Số ĐT liên lạc : 04.37736712
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác :
 - Năm 2009 – nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần sàn Bất động sản Tài Nguyên, thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Tài Nguyên
- Chức vụ công tác hiện nay: thành viên Hội đồng quản trị
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Chủ Tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc Công ty Cổ Phần sàn Bất động sản Tài Nguyên
- Số cổ phần do cá nhân sở hữu: 2.000 cổ phần chiếm 0,0235% vốn điều lệ
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan: Không có

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trương Sơn Hiền

– Tổng giám đốc (Như trên)

Ông Đoàn Năng Tuân

– Phó Tổng giám đốc

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 19/01/1978
- Số chứng minh thư nhân dân: 013276502 cấp ngày 23/03/2010 tại Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Thụy Dương, Thái Thụy, Thái Bình.
- Địa chỉ thường trú: Tô 23, Thượng Thanh, Long Biên, Hà Nội.
- Số điện thoại liên lạc: 0437736712
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ tài chính – ngân hàng
- Quá trình công tác:
 - Tháng 10/2010 – nay: Phó tổng giám đốc - Công ty cổ phần Tài Nguyên
 - Tháng 03/2010 – Tháng 10/2010: Giám đốc tài chính - Công ty cổ phần Tài Nguyên
 - Tháng 09/2009 – Tháng 03/2010: Phó tổng giám đốc – Công ty Đầu tư Xây dựng Hải Vân
 - Tháng 08/2008 - Tháng 09/2009: Giám đốc tài chính - Công ty cổ phần Quản lý quỹ Việt Tín
 - Tháng 07/2007 - Tháng 08/2008: Kế toán trưởng - Công ty cổ phần chứng khoán Việt Tín
 - Tháng 10/2006 - Tháng 07/2007: Kế toán trưởng - Astral Infotech Vietnam
 - Tháng 01/2006 - Tháng 10/2006: Kiểm toán viên cao cấp - Công ty Kiểm toán DAACO
 - Tháng 07/2004 -Tháng 12/2005: Chuyên viên tư vấn kế toán, tài chính - SCS (Vietnam) Co., Ltd
 - Tháng 07/2004 - Tháng 12/2005: Kế toán trưởng - The Zenitaka Corporation TLIP

-
- Tháng 09/2000 - Tháng 07/2004: Phó GD tư vấn đầu tư, tài chính - Cty CP Tư vấn Đầu tư Xây dựng cơ sở hạ tầng
 - Chức vụ công tác hiện nay: Phó tổng giám đốc - Công ty cổ phần Tài Nguyên
 - Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không
 - Số cổ phần do cá nhân sở hữu: Không
 - Hành vi vi phạm pháp luật: Không
 - Các khoản nợ đối với Công ty: Không
 - Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
 - Số lượng chứng khoán của những người có liên quan: Không có

Ông Nguyễn Bá Huân – Phó Tổng giám đốc (Như trên)

Ông Vũ Tuấn Hoàng – Phó Tổng giám đốc (Xem thành viên BKS)

Ban kiểm soát

Ông Vũ Tuấn Hoàng – Trưởng Ban kiểm soát

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh : 27/04/1971
- Số CMTND/Hộ chiếu : 011833485 Cấp ngày 30/08/2000 tại CA Hà Nội
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Số 51, Ngõ 562, Bưởi, Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội
- Địa chỉ thường trú : Số 51, Ngõ 562, Bưởi, Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội
- Số ĐT liên lạc : 0437736712
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế đối ngoại

-
-
- Quá trình công tác :
 - Năm 1994 - 1997: Phó phòng Giao dịch và Ngân quỹ - Ngân hàng VPBank
 - Năm 1997 - 1998: Trợ lý TGD, Giám đốc Trung tâm thương mại – Tổng Công ty Hồ Tây, Ban Tài chính Quản trị Trung ương
 - Năm 1998 – 2005: Phó Giám đốc điều hành, Giám đốc các dự án quốc tế - Công ty tư vấn Tài chính Ngân hàng
 - Năm 2005 - 2008: Phó TGD thứ nhất – Công ty liên doanh chế tạo xe máy LIFAN Việt Nam
 - Năm 2008 – 2010: Trợ lý TGD, Chánh Văn phòng HĐQT – Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu chính Viễn thông Việt Nam
 - Tháng 10/2010 – Nay: Phó TGD phụ trách đầu tư và kinh doanh – Công ty Cổ phần Tài Nguyên
 - Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP Tài Nguyên
 - Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không
 - Số cổ phần do cá nhân sở hữu: Không
 - Hành vi vi phạm pháp luật: Không
 - Các khoản nợ đối với Công ty: Không
 - Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
 - Số lượng chứng khoán của những người có liên quan: Không có

Ông Tạ Quang Huy – Thành viên Ban kiểm soát

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh : 10/09/1975
- Số CMTND/Hộ chiếu : 011880218 Cấp ngày 10/01/2002 tại CA Hà Nội
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh

-
-
- Quê quán : Duy Tiên, Hà Nam
 - Địa chỉ thường trú : Lê Văn Hưu, Ngô Thị Nhậm, Hai Bà Trưng, Hà Nội
 - Số ĐT liên lạc : 0437736712
 - Trình độ văn hóa : 12/12
 - Trình độ chuyên môn : Cử nhân Luật
 - Quá trình công tác :
 - Năm 1999 - 2001: Cán bộ kinh doanh công ty TAICERA
 - Năm 2001 – 2003: Nhân viên tư vấn luật Công ty Long Phát
 - Năm 2004 – 2006: Phó Giám đốc Kinh doanh Công ty TNHH Dịch vụ, Thương mại và sản xuất Anh Sơn
 - Năm 2006 - 2008: Nhân viên tư vấn luật Công ty Cổ phần Tài Nguyên
 - Năm 2008 – 2010: Trưởng ban Kiểm soát, nhân viên tư vấn luật Công ty Tài Nguyên
 - Năm 2010 – nay: Thành viên Ban kiểm soát, Phó phòng đầu tư Công ty Cổ phần Tài Nguyên
 - Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP Tài Nguyên
 - Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không
 - Số cổ phần do cá nhân sở hữu: 2000 cổ phần chiếm 0.0235% vốn điều lệ
 - Hành vi vi phạm pháp luật: Không
 - Các khoản nợ đối với Công ty: Không
 - Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
 - Số lượng chứng khoán của những người có liên quan: Không có

Bà Trần Thị Trâm – Thành viên Ban kiểm soát

- Họ và tên: Trần Thị Trâm
- Giới tính: Nữ

-
-
- Ngày tháng năm sinh: 17/12/1983
 - Số chứng minh thư nhân dân: 151470817 cấp ngày 26/2/2009 tại Thái Bình
 - Quốc tịch: Việt Nam
 - Dân tộc: Kinh
 - Quê quán: Tân Lập – Vũ Thư – Thái Bình
 - Địa chỉ thường trú: Tân Lập – Vũ Thư – Thái Bình
 - Số điện thoại liên lạc: 0437736712
 - Trình độ văn hoá: 12/12
 - Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ – Luật sư
 - Quá trình công tác:
 - Từ 2005-2007: Trưởng phòng Tư vấn - Văn phòng Luật sư Đại Cát Việt
 - Từ 2007-2009: Chuyên viên pháp lý - Cục trợ giúp pháp lý Bộ tư pháp
 - Từ 2010-nay: Trưởng phòng pháp chế Công ty CP Tài Nguyên
 - Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP Tài Nguyên
 - Chức vụ nắm giữ ở các tổ chức khác : Không
 - Sở hữu cổ phần cá nhân: 800 cổ phiếu, chiếm 0,009 % vốn điều lệ.
 - Số cổ phần của những người có liên quan: Không
 - Hành vi vi phạm pháp luật: Không
 - Các khoản nợ đối với công ty: Không
 - Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Không
 - Số lượng chứng khoán của những người có liên quan: Không

Kế toán trưởng

Bà Chu Thị Thanh Vân – Kế toán trưởng

-
-
- Giới tính: Nữ
 - Ngày tháng năm sinh : 14/07/1979
 - Số CMTND/Hộ chiếu : 182243558 cấp ngày 25/03/2003 tại Nghệ An
 - Quốc tịch : Việt Nam
 - Dân tộc : Kinh
 - Quê quán : Diễn Phong, Diễn Châu, Nghệ An
 - Địa chỉ thường trú : Đội 7 xã Diễn Phong, huyện Diễn Châu, Nghệ An
 - Số ĐT liên lạc : 0989741464
 - Trình độ văn hoá : 12/12
 - Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
 - Quá trình công tác :
 - Năm 2003 – 2007: Kế toán viên công ty Xuất bản trẻ
 - Năm 2008 – 2009: Kế toán viên công ty Cổ phần sản xuất xuất khẩu và hợp tác ASEM
 - Năm 2009 – nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Tài Nguyên
 - Chức vụ công tác hiện nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Tài Nguyên
 - Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không
 - Số cổ phần do cá nhân sở hữu: 2.000 cổ phần chiếm 0,0235% vốn điều lệ
 - Hành vi vi phạm pháp luật: Không
 - Các khoản nợ đối với Công ty: Không
 - Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
 - Số lượng chứng khoán của những người có liên quan: Không có

Thay đổi Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong năm

- Trong năm 2010, Ông Nguyễn Gia Long – Chủ tịch hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám Đốc thôi giữ chức Tổng Giám Đốc để tập trung vào vai trò Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị.

-
-
- Ông Trương Sơn Hiền – Phó tổng giám đốc được chỉ định làm Tổng Giám Đốc Công ty

Quyền lợi của Ban Giám đốc: Tiền lương, thưởng của Ban Giám đốc và các quyền lợi khác của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc mới chỉ dừng lại ở mức nhận tiền lương ở mức vừa phải so với mặt bằng chung của xã hội. Chưa được nhận tiền thưởng và các quyền lợi khác.

Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

Cơ cấu lao động trong Công ty

Tính đến thời điểm 31/12/2010, tổng số lao động trong Công ty là 120 lao động.

Bảng: Cơ cấu lao động phân theo trình độ học vấn tại thời điểm 31/12/2010

Tiêu chí	Số lượng		
	Nam	Nữ	Tổng
I. Phân theo trình độ học vấn			
1. Trên đại học	6	2	8
2. Trình độ đại học	22	8	30
3. Trình độ cao đẳng, trung cấp, công nhân lao động phổ thông	70	12	82
II. Phân theo phân công lao động			
1. Hội đồng quản trị/ Ban Tổng Giám đốc	8	-	8
2. Lao động quản lý	27	3	30
3. Lao động trực tiếp	65	17	82
Nguồn: Công ty Cổ phần Tài Nguyên			

Chính sách với người lao động

Chế độ làm việc

Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước và đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động. Điều kiện làm việc: văn phòng làm việc khang trang, thoáng mát. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.

Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Ban Điều hành Công ty nhận thức được tầm quan trọng của nguồn nhân lực đối với sự tồn tại và phát triển của Công ty. Chính vì thế, Công ty luôn chú trọng đến công tác tuyển dụng, đào tạo và tái đào tạo nhân lực, đồng thời có chính sách ưu đãi đối với CBCNV chủ chốt để đảm bảo và ngày càng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực Công ty. Cụ thể như sau: đối với cán bộ nhân viên sà bắt động sản được tham gia những khoá học về chuyên môn, kế toán trưởng được tham gia lớp bồi dưỡng tài chính kế toán, đối với những cán bộ lãnh đạo ở các vị trí quan trọng được tham gia học lớp MBA nhằm nâng cao trình độ quản lý doanh nghiệp.

Tuyển dụng

Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có năng lực vào làm việc cho Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Tùy theo từng vị trí cụ thể mà Công ty đề ra những tiêu chuẩn bắt buộc riêng, song tất cả các chức danh đều phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản như: có trình độ chuyên môn cơ bản, có ý thức phát triển nghề nghiệp và có tính kỷ luật cao.

Chính sách thu hút nhân tài

Công ty có chính sách lương, thưởng đặc biệt đối với các nhân viên giỏi và nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan, một mặt để giữ chân nhân viên lâu dài, mặt khác để thu hút nhân lực giỏi từ nhiều nguồn khác nhau về làm việc cho Công ty.

Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

Chính sách lương

Công ty xây dựng chính sách lương theo cơ sở thang bảng lương dựa trên quy định chung của Nhà nước, hệ suất năng suất của từng cá nhân và dựa trên tình hình kinh doanh của Công ty.

Chính sách thưởng

Nhằm khuyến khích động viên sự gia tăng hiệu quả đóng góp, Công ty có quy định thưởng cho cán bộ công nhân viên lương tháng thứ 13. Bên cạnh đó, Công ty còn quy định thưởng năng suất theo từng quý và xét thưởng cuối năm theo mức độ hoàn thành chỉ tiêu và nhiệm vụ của từng cá nhân và đơn vị.

Bảo hiểm và phúc lợi

Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế được Công ty trích nộp đúng theo quy định của pháp luật.

Tổ chức đoàn thể

Công ty rất quan tâm và có các chính sách khuyến khích các hoạt động đoàn thể, chú trọng đến quyền lợi, đời sống tinh thần của toàn thể nhân viên.

Bảng: Thu nhập bình quân của người lao động qua các năm

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
Tổng chi phí lương và thưởng	709.111.839	1.766.303.600	2.468.450.000
Các khoản phải trả cho người lao động	-	-	
Tổng cộng	709.111.839	1.766.303.000	
Thu nhập bình quân/tháng	2.500.000	3.200.000	3.400.000

Nguồn: Công ty Cổ phần Tài Nguyên

+ Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, kế toán trưởng:

Về nhân sự chủ chốt của công ty trong năm có sự thay đổi như sau:

- Ông Trương Sơn Hiền – phó tổng giám đốc được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc công ty
- Ông Nguyễn Bá Huân tiếp tục được bổ nhiệm giữ chức phó tổng giám đốc công ty
- Ông Đoàn Năng Tuân được bổ nhiệm làm phó tổng giám đốc công ty
- Ông Vũ Tuấn Hoàng được bổ nhiệm làm phó tổng giám đốc công ty

VIII. Thông tin cổ đông và Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

1.1. Thành viên và cơ cấu của HĐQT, Ban kiểm soát công ty

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, quản trị Công ty giữa hai kỳ Đại hội. HĐQT đại diện cho các cổ đông, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT công ty có 05 thành viên. Cơ cấu HĐQT của Công ty như sau:

Ông Nguyễn Gia Long	Chủ tịch HĐQT
Ông Trương Sơn Hiền	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Bá Huân	Thành viên HĐQT
Ông Đoàn Văn Tú	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Gia Minh	Thành viên HĐQT

Ban kiểm soát

Ban kiểm soát là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban giám đốc. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và pháp luật về những công việc thực hiện của Ban. Ban kiểm soát của Công ty có 03 thành viên. Cơ cấu Ban kiểm soát của Công ty như sau:

Ông Vũ Tuấn Hoàng	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Tạ Quang Huy	Thành viên
Bà Trần Thị Trâm	Thành viên

1.2. Hoạt động của HĐQT:

Tổng kết các cuộc họp và Quyết định của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2010, với chức năng, quyền hạn và trách nhiệm đã được đại hội đồng cổ đông

tin tưởng giao phó, Hội đồng quản trị Công ty đã tiến hành những phiên họp nhằm mục đích bàn bạc và thông qua những vấn đề quan trọng có liên quan tới các hoạt động của Công ty. Những quyết định chủ yếu đã được Hội đồng quản trị thông qua trong năm 2010 bao gồm những quyết định về niêm yết cổ phiếu trên sàn ck HCM, việc tham gia đầu tư 02 dự án BĐS (dự án khu đô thị Tài Nguyên Ecocity rộng 98ha tại huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình và dự án khu nhà ở Kiêu Kỵ rộng 17ha, tại huyện Gia Lâm, Hà Nội), việc chào bán cổ phần cho các đối tác chiến lược và cán bộ công nhân viên trong đợt tăng vốn điều lệ, quyết định về phương hướng, nhiệm vụ và mục tiêu trong hoạt động kinh doanh và đầu tư của Công ty, quyết định về các kế hoạch phát triển kinh doanh và ngân sách đầu tư, v.v..

Hoạt động giám sát đối với Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý:

Trong năm 2010, mặc dù gặp rất nhiều khó khăn nhưng Ban Tổng giám đốc đã tích cực làm việc, thực thi các nhiệm vụ do Hội đồng quản trị giao phó, đảm bảo tốt công tác điều hành Công ty phát triển theo đúng những mục tiêu, phương hướng mà đại hội đồng cổ đông đã đề ra, đảm bảo tuân thủ theo đúng pháp luật và những quyết định đã được thông qua tại các Nghị quyết đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Hội đồng quản trị. Bên cạnh đó, Ban Tổng giám đốc đã thiết lập và duy trì bộ máy nhân sự hợp lý, tận dụng được nguồn nhân lực để phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Tuy nhiên, Ban Tổng giám đốc cần xây dựng kế hoạch thu hút và đào tạo thêm nhiều nhân tài để bổ sung vào lực lượng nhân sự, kịp thời phục vụ cho các công tác triển khai nhiều dự án lớn hơn của Công ty trong thời gian tới.

Nhìn chung, các cán bộ quản lý đã hoàn thành tốt chức năng và nhiệm vụ được giao, thực hiện sát sao những chỉ đạo của Hội đồng quản trị cũng như Ban Tổng giám đốc. Trong thời gian tới, các cán bộ quản lý cần trau dồi và trang bị thêm nhiều kỹ năng, kiến thức để có thể duy trì và làm tốt hơn nữa nhiệm vụ được giao.

1.3. Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành: không có

1.4. Hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm qua BKS đã thực hiện các công việc sau:

- Tham gia tổ chức, kiểm phiếu Đại hội cổ đông thường niên năm 2010

-
-
- Tham gia tổ chức, kiểm phiếu Đại hội cổ đông bất thường năm 2010
 - Tham gia một số cuộc họp của Hội đồng quản trị.
 - Tham gia một số buổi làm việc của Ban Lãnh đạo Công ty về chiến lược hoạt động của Công ty, về kế hoạch kinh doanh năm và báo cáo tình hình thực hiện.
 - Xem xét các báo cáo tổng kết tài chính, kinh doanh do Ban Tổng Giám đốc và Ban Tài chính kế toán chuẩn bị.
 - Xem xét các báo cáo của tổ chức kiểm toán.
 - Theo dõi ý kiến của cổ đông thông qua các kênh thông tin và Ban Quan hệ Cổ đông.
 - Xem xét và đề nghị Ban TGD trả lời những khúc mắc liên quan đến quyền lợi của cổ đông như: mục đích, lý do dự định phát hành cổ phiếu ưu đãi cho cán bộ công nhân viên công ty cam kết gắn bó lâu dài và có thành tích trong năm 2010 như trong nghị quyết đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2010; về việc thực hiện chi tiết nghị quyết của Đại hội Cổ đông thường niên năm 2010 và nghị quyết Đại hội Cổ đông bất thường năm 2010.

1.5. Kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty

Đưa ra định hướng chiến lược, hỗ trợ tích cực Ban Tổng giám đốc trong việc nghiên cứu phát triển, tìm kiếm dự án mới, cũng như tập trung cao độ thực hiện thắng lợi nghị quyết đại hội đồng cổ đông đã thông qua.

Tập trung phát triển nguồn nhân lực, đào tạo bồi dưỡng cho các cán bộ chủ chốt, đồng thời nâng cấp trình độ quản lý cán bộ song song với việc tuyển dụng người tài về giúp Công ty để có thể phát triển những hoạt động mới, các dự án đầu tư khoáng sản, vật liệu xây dựng và dự án bất động sản mới.

Tăng cường quan với các đối tác trong và ngoài nước tạo giá trị gia tăng bằng các liên doanh liên kết, tìm kiếm đối tác quốc tế để thực hiện các dự án lớn của Công ty.

Tăng cường hơn nữa văn hóa doanh nghiệp, phát triển vì cộng đồng, bền vững với nền tảng văn hóa Việt Nam trong quan hệ đối xử với cán bộ công nhân viên, cũng như với các nhà đầu tư và nhân dân trong vùng. Tham gia tích cực các phong trào xã hội, quan tâm thật tốt đời sống cán bộ công nhân viên.

1.6. Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc: không có.

1.7. Số lượng thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: 7 người.

1.8. Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên HĐQT:

TT	Tên cổ đông	01/01/2010		31/03/2011	
		Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Nguyễn Gia Long	3.550.000	41,76	3.752.620	44,15
2	Trương Sơn Hiền	440.000	5,18	440.000	5,18
3	Nguyễn Bá Huân	390.000	4,59	390.000	4,59
	Tổng	4.380.000	51,53	4.582.620	53,91

1.9. Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát và những người liên quan tới các đối tượng nói trên.

- Ông Nguyễn Gia Long, thành viên HĐQT đã mua thêm 314.120 cổ phần.

1.10. Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết với công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát và những người liên quan tới các đối tượng nói trên: không có.

2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông

2.1 Công đông góp vốn Nhà nước: không có

2.2. Cổ đông góp vốn sáng lập:

Danh sách cổ đông sáng lập

TT	Tên cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Nguyễn Gia Long	3.752.620	44,148
2	Trương Sơn Hiền	440.000	5,176
3	Nguyễn Bá Huân	390.000	4,588
	Tổng	4.582.620	53,912

Số liệu cổ đông được thống kê theo Danh sách cổ đông chốt ngày 24/01/2011.

- Thông tin chi tiết về cổ đông sáng lập theo nội dung: Tên, năm sinh (cổ đông góp vốn cá nhân); Địa chỉ liên lạc; Nghề nghiệp (cổ đông góp vốn cá nhân), ngành nghề hoạt động (cổ đông góp vốn tổ chức); số lượng và tỷ lệ cổ phần sở hữu/vốn góp trong công ty; những biến động về tỷ lệ sở hữu cổ phần/tỷ lệ vốn góp.

2.3. Cổ đông nước ngoài

Cơ cấu vốn cổ đông

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông trong nước	348	7.955.660	93,60%
	Cổ đông tổ chức	3	181.010	2,13%
	Cổ đông cá nhân	345	7.774.650	91,47%
2	Cổ đông nước ngoài	17	544.340	6,40%
	Cổ đông tổ chức	2	108.820	1,28%
	Cổ đông cá nhân	15	435.520	5,12%
	TỔNG	365	8.500.000	100%

Danh sách cổ đông ngày 24/01/2011.

2.4. Thông tin chi tiết về từng cổ đông lớn:

Tên, năm sinh (cổ đông/thành viên góp vốn cá nhân); Địa chỉ liên lạc; Nghề nghiệp (cổ đông/thành viên góp vốn cá nhân), ngành nghề hoạt động (cổ đông/thành viên góp vốn tổ chức); số lượng và tỷ lệ cổ phần sở hữu/vốn góp trong công ty; những biến động về tỷ lệ sở hữu cổ phần/vốn góp.

Danh sách Cổ đông nắm trên 5% vốn

TT	Tên cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Nguyễn Gia Long	3.752.620	44,148
2	Trương Sơn Hiền	440.000	5,176
	Tổng	4.192.620	49,324